



**TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP BECAMEX-CTCP
BECAMEX INVESTMENT AND
INDUSTRIAL DEVELOPMENT GROUP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM
- *The State Securities Commission*
- *Hochiminh Stock Exchange*

Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP (Becamex Group)
Becamex Investment and Industrial Development Group.

Trụ sở chính/ *Head Office Address:* Tầng 10 mPlaza Sài Gòn, số 39 Lê Duẩn, P.
Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ *10th Floor, mPlaza Sai Gon, No. 39 Le Duan, Sai Gon
Ward, Ho Chi Minh City.*

Mã Chứng khoán/*Stock Code:* BCM

Điện thoại/ *Tel:* 0274 3822 655

Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*

Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP xin công bố thông tin tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Becamex Investment and Industrial Development Group hereby discloses information regarding The Document Annual General Meeting Of Shareholders of 2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn vào ngày 04/6/2026 tại đường dẫn: <http://www.becamex.com.vn> mục Cổ đông – Tin tức /Quan hệ cổ đông.

This information was published on the company's website on 04/6/2026 as in the link: <http://www.becamex.com.vn> for Shareholders – News/ Shareholder relations.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Đính kèm/ *Attached documents:*
- Tài liệu ĐHCĐ 2026/
The Document of GM.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2026
Ho Chi Minh City June, 04th 2025)

Người được ủy quyền công bố thông tin
Phó Tổng giám đốc
Authorized Person To Disclose Information
Deputy General Director



Nguyễn Thế Duy





TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO MỜI HỌP

V/v: Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP

Hội đồng quản trị Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn cụ thể:

- Thời gian tổ chức đại hội: **8 giờ 30 phút, thứ 5, ngày 25/6/2026.**
- Địa điểm tổ chức: Khách sạn Becamex – B2, Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Danh sách cổ đông tham dự: **Theo danh sách chốt 25/5/2026.**
- Nội dung sẽ thảo luận và thông qua tại đại hội:
 - + Các báo cáo của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS), Tổng giám đốc.
 - + Các tờ trình:
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025; Báo cáo của HDQT và từng thành viên HDQT độc lập; Báo cáo của BKS.
 - Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026.
 - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.
 - Về việc chi trả cổ tức năm 2025.
 - Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2025.
 - Chi trả thù lao TV HDQT năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao TV HDQT, BKS và thư ký năm 2026.
 - Sửa đổi, cập nhật mã ngành kinh doanh.
 - Sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
 - Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập năm 2026.
 - + Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
- Tài liệu đại hội: Nội dung tài liệu được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn: www.becamex.com.vn mục Cổ đông-Tin tức/Quan hệ cổ đông từ ngày 04/6/2026.**
- Lưu ý:**
 - Quý Cổ đông có thể đóng góp ý kiến/đặt câu hỏi cho Ban tổ chức bằng cách gửi mail đến địa chỉ: quanhecodong@becamex.com.vn trước ngày diễn ra đại hội.
 - Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự đại hội vui lòng mang theo thông báo họp, CCCD/Hộ chiếu để đăng ký tham dự Đại hội. Giấy ủy quyền được in ở mặt sau của thông báo họp.
- Xác nhận tham dự Đại hội:**

Để phục vụ công tác tổ chức, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội trước **16h00 ngày 23/6/2026** bằng cách quét mã QR code dưới đây:



Mọi chi tiết xin liên hệ điện thoại: 0274 3822 655
Trân trọng.

Email: quanhecodong@becamex.com.vn





TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2026 tại
chúng tôi gồm:

1. Bên uỷ quyền:

Tên cổ đông:

Địa chỉ thường trú/ Trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....

Số CCCD/Giấy chứng nhận ĐKDN/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp

Số cổ phần sở hữu:

Người đại diện (đối với tổ chức):.....Chức vụ:

2. Bên được uỷ quyền:

Tên cổ đông:

Địa chỉ thường trú/ Trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....

Số CCCD/Giấy chứng nhận ĐKDN/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Người đại diện (đối với tổ chức):.....Chức vụ:

Nội dung uỷ quyền:

Bên được uỷ quyền thay mặt cho bên uỷ quyền tham dự, thảo luận, biểu quyết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của cổ đông theo quy định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP năm 2026.

Giấy uỷ quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi kết thúc Đại hội.

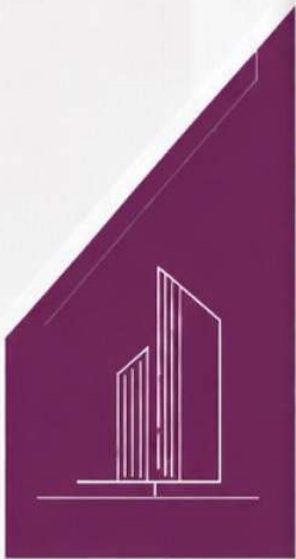
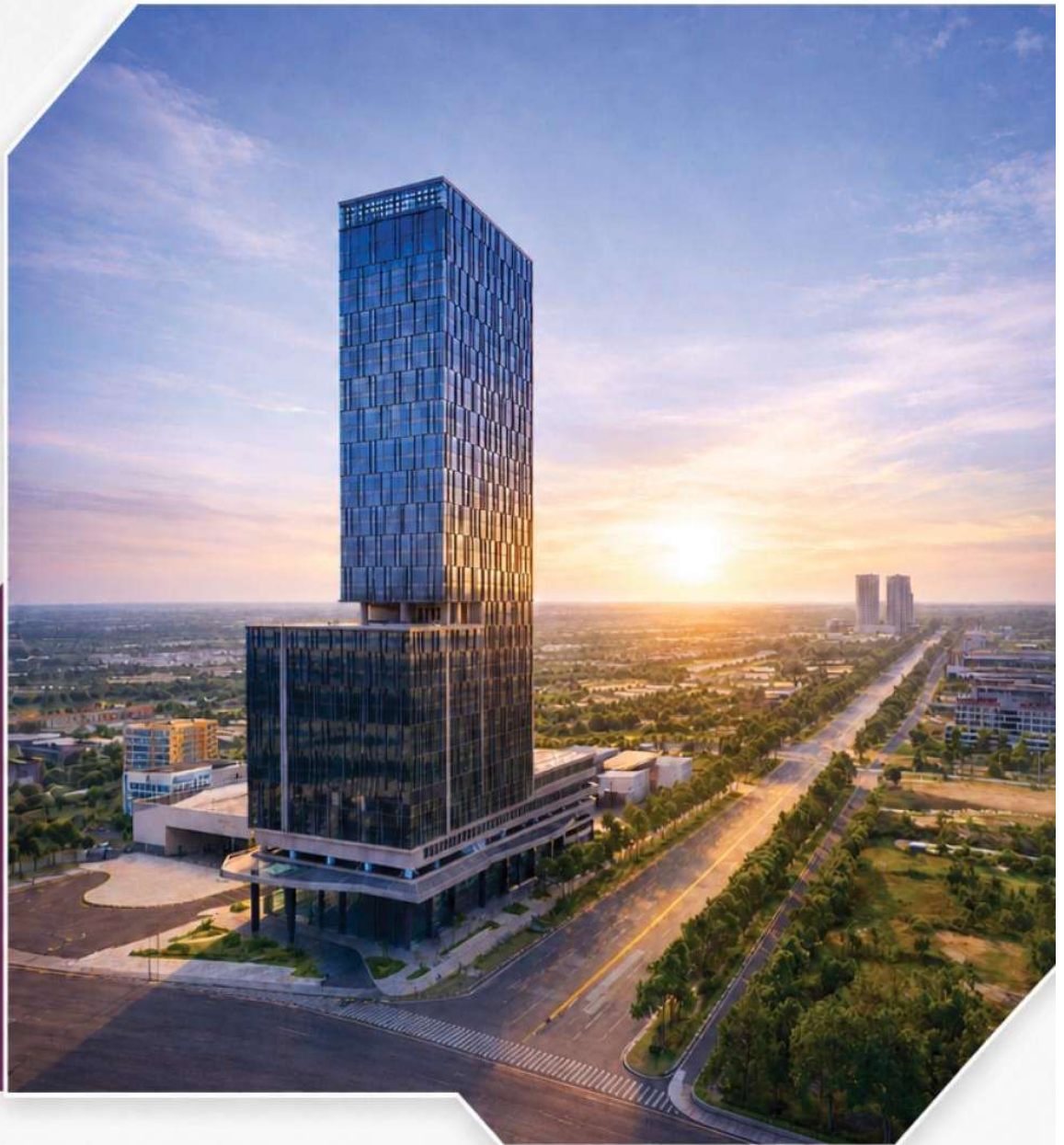
Bên uỷ quyền

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức))

Bên được uỷ quyền

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức))





TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP



MỤC LỤC

TRANG 04	QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐHĐCĐ
TRANG 09	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
TRANG 26	BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRANG 34	BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
TRANG 42	TỜ TRÌNH ĐHĐCĐ



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: **08h30' thứ 5 ngày 25 tháng 06 năm 2026.**

Địa điểm: khách sạn Becamex – P. Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

<u>THỜI GIAN</u>	<u>NỘI DUNG</u>	<u>Phu trách</u>
8h30	I. Thủ tục khai mạc Đại hội đồng cổ đông	
	Tiếp đón đăng ký cổ đông	BTC
	Khai mạc Đại hội	
	- Tuyên bố lý do – Giới thiệu thành phần tham dự	MC
	- Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông	BKS
	Giới thiệu và biểu quyết thông qua	
	- Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026	MC
	- Thành phần Chủ tọa đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu,	MC
	- Quy chế làm việc ĐHĐCĐ	MC
9h20	II. Báo cáo hoạt động của HĐQT, TGD, BKS tại Đại hội	
	1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT độc lập	HĐQT
	2. Báo cáo của Ban kiểm soát	BKS
	3. Báo cáo hoạt động của Tổng giám đốc	TGD
	4. Báo cáo các nội dung tờ trình: <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025; Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động 2025; định hướng và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 và Báo cáo hoạt động của từng thành viên HĐQT độc lập; Báo cáo của BKS. • Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026. • Phương án phân phối lợi nhuận 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026. • Chi trả cổ tức năm 2025 • Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2025. • Chi trả thù lao TV HĐQT năm 2025 và kế hoạch chi trả TV HĐQT, BKS và Thư ký năm 2026. • Sửa đổi, cập nhật ngành kinh doanh. • Sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. 	HĐQT



	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập năm 2026. • Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông (nếu có). 	
10h30	III. Đại hội thảo luận và biểu quyết các nội dung tờ trình	
11h25	IV. Thủ tục kết thúc Đại hội	
	- Thông qua Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2026	TK
	- Bế mạc Đại hội	HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng





QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI



QUY CHẾ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP.

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự ĐHĐCĐ

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Tập đoàn hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ tại ngày chốt danh sách **25/05/2026**.

2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự Đại hội (sau đây gọi tắt là Cổ đông) cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp.
- CCCD hoặc hộ chiếu.
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

Sau khi xuất trình các giấy tờ nêu trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến dự Đại hội được nhận một thẻ biểu quyết (ghi họ và tên, mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó), tài liệu họp.

b. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

c. Cổ đông tham dự Đại hội, sau khi nghe báo cáo các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

d. Cổ đông tham dự Đại hội có ý kiến thảo luận, cổ đông có thể đặt câu hỏi tại Bàn Thư ký trước giờ Đại hội tiến hành thảo luận 15 phút, Chủ tọa đại hội sẽ sắp xếp ưu tiên cho các cổ



đông tham dự Đại hội phát biểu theo thứ tự đăng ký, các ý kiến phát sinh sau trong quá trình tiến hành Đại hội sẽ được Chủ tọa đại hội ghi nhận, nếu đủ thời gian thì sẽ được giải đáp tại đại hội, nếu không đủ thời gian thì sẽ được giải đáp bằng văn bản gửi kèm báo cáo kết quả Đại hội đến địa chỉ đăng ký của cổ đông. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu hoặc dừng ngay lời phát biểu nếu nội dung phát biểu không theo đúng chương trình nội dung nghị sự của Đại hội để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

e. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông tham dự Đại hội đến muộn sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả những người dự họp.
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
5. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Được sử dụng máy ghi âm để hoàn chỉnh Biên bản một cách đầy đủ và trung thực theo trình tự diễn biến của cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. Soạn thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.



4. Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ. Biên bản sẽ được hoàn chỉnh một cách trung thực và đầy đủ theo diễn biến Đại hội, là cơ sở để Thư ký tổng hợp Báo cáo kết quả Đại hội thông báo đến từng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Tập đoàn.

5. Thư ký sẽ thông qua biên bản hoặc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ.

- Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội
- Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50%** tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Điều 9. Trật tự của Đại hội

a. Cổ đông đến dự Đại hội khi vào hội trường tham dự Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.

b. Cổ đông có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội.

Điều 10. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc

Tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một thẻ/phiếu biểu quyết, trong đó ghi họ tên cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (*sở hữu*) của cổ đông và có đóng dấu treo của Tập đoàn.

2. Cách biểu quyết

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được đưa ra, các cổ đông tán thành thông qua thì đưa cao thẻ/phiếu biểu quyết. Thành viên Ban kiểm phiếu biểu quyết sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành.



Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông không tán thành hoặc không có ý kiến sẽ lần lượt đưa cao thẻ biểu quyết.

Điều 11. Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên **50%** trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tập đoàn;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản của Tập đoàn hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tập đoàn tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có **từ 65%** trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 12. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ phải lập xong trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin trên website Tập đoàn trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ và lưu trữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 04 Chương, 13 Điều, được công khai trước khi tiến hành ĐHĐCĐ và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

NGUYỄN VĂN HÙNG





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HĐQT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2025; ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

I. VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025:

Năm 2025 là một năm đầy biến động của nền kinh tế thế giới, cùng với những trở ngại của yếu tố nội tại khi Việt Nam là nước đang phát triển, nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi và hội nhập. Quy mô kinh tế ở mức khiêm tốn, độ mở của nền kinh tế lớn; năng lực cạnh tranh và sức chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài còn hạn chế, nhưng Việt Nam vẫn đạt kết quả đáng khích lệ với GDP đạt 8,02% và CPI tăng 3,31%. Nhờ vào sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các bộ, ngành, chính quyền địa phương đã phần nào làm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và cuộc sống của người dân.

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, khu vực Bình Dương (nay thuộc TP. Hồ Chí Minh) duy trì tốc độ phát triển kinh tế cao, với lợi thế kết hợp giữa vị trí cửa ngõ phía Bắc thành phố, hạ tầng công nghiệp – logistics đồng bộ và chính sách ưu đãi nhất quán, tạo nên môi trường đầu tư thân thiện, minh bạch. Sau khi sáp nhập, TP. Hồ Chí Minh mới (bao gồm Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu) trở thành cực tăng trưởng công nghiệp – dịch vụ hàng đầu cả nước, nhiều năm liền nằm trong nhóm địa phương thu hút FDI lớn nhất và tiếp tục là điểm đến của các Tập đoàn đa quốc gia.

1. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Tập đoàn luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể đã tổ chức **83** cuộc họp HĐQT (chi tiết theo phụ lục I đính kèm) nhằm đưa ra những quyết sách và chỉ đạo quyết liệt đến Ban TGD đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, bao gồm các nội dung chính như sau:

- Tổ chức nhiều hoạt động tiếp thị gặp gỡ các đối tác, nhà đầu tư tiềm năng, để luôn giữ kết nối với các đối tác ở nước ngoài và nắm bắt xu hướng đầu tư mới;
- Về lĩnh vực phát triển khu công nghiệp, Tập đoàn khởi động các khu công nghiệp sinh thái, thông minh thế hệ mới như KCN Cây Trường và KCN Bàu Bàng mở rộng giai đoạn 2, tích hợp hệ thống giám sát thông minh, IoT, vận hành tự động và giải pháp năng lượng tái tạo, phù hợp định hướng khu công nghiệp – đô thị thông minh Becamex;
- Về đầu tư dự án: Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Khu dân cư tại Lai Uyên, xã Bàu Bàng, TP.HCM; phê duyệt dự án đầu tư 2 khu NOXH quy mô lớn là Khu 5 Định Hòa và Khu 6 Việt Sing với tổng cộng hơn 4.000 căn hộ, góp phần mở rộng quỹ nhà ở cho người lao động tại khu vực TP.HCM;
- Về công tác góp vốn và tăng vốn điều lệ cho các Công ty thành viên: Trong năm 2025, Tập đoàn thực hiện góp thêm vốn vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Becamex – VSIP (BV Power), CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước, CTCP Becamex Bình Định,



Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam- Singapore (VSIP JV); Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex IJC).

- Về huy động vốn: Thông qua chủ trương vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB), Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB).
- Về cơ cấu bộ máy quản lý: Nhằm đáp ứng với tình hình mới, HĐQT đã phê duyệt các chủ trương, sắp xếp cơ cấu lại các phòng ban chuyên môn; Thực hiện các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng định kỳ nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng cho cán bộ và người lao động. Tiếp tục củng cố và áp dụng đề án KPI trong năm 2025 nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên Tập đoàn.
- Về chính sách môi trường của Tập đoàn thể hiện rõ là phải ngăn ngừa ô nhiễm gây thiệt hại đến môi trường và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn thông tin để vươn đến sự hoàn thiện và phát triển bền vững.

2. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Tập đoàn:

Tập đoàn đã tận dụng sự tăng trưởng chung của nền kinh tế trong nước, thế mạnh của địa phương để đảm bảo và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Theo đó, kết quả kinh doanh năm 2025 chi tiết như sau:

STT	Chỉ tiêu tổng hợp	ĐVT	KH2025	TH2025	TH2025/ KH2025
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.786	7.495	96%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	5.751	5.127	89%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.035	2.368	116%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.845	2.083	113%

STT	Chỉ tiêu hợp nhất	ĐVT	KH2025	TH2025	TH2025/ KH2025
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	9.500	9.819	103%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	6.800	6.076	89%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.700	3.743	139%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.470	3.525	143%

3. Báo cáo về các giao dịch giữa Tập đoàn với người liên quan trong năm 2025:

HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 57/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 về việc thực hiện ký kết hợp đồng/giao dịch với Người có liên quan năm 2025 với giá trị không vượt quá 10% tổng tài sản và giao cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện. Trong năm 2025, Tập đoàn có phát sinh các giao dịch thường xuyên với các công ty trong cùng Tập đoàn về thi công xây dựng, cung cấp vật tư, dịch vụ viễn thông, chuyển nhượng BĐS, khám sức khỏe, dịch vụ hạ tầng kỹ thuật.... Chi tiết các giao dịch



này được công bố định kỳ tại Phụ lục IV Báo cáo quản trị năm 2025 công bố vào ngày 30/01/2026 và cập nhật theo số liệu kiểm toán tại mục IV – Quản trị Công ty tại Báo cáo thường niên 2025 đã công bố thông tin tại đường dẫn: <http://www.becamex.com.vn> mục Cổ đông-tin tức -> mục Quan hệ cổ đông-> Công bố thông tin.

4. Về việc thực hiện các nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2025 vv ủy quyền lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 54/NQ-HĐQT ngày 28/07/2025 thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Tập đoàn.

5. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT:

Hội đồng quản trị Tập đoàn nhiệm kỳ 2023-2028 gồm 7 thành viên: Chủ tịch HĐQT, 3 Phó chủ tịch HĐQT, 1 thành viên và 2 thành viên độc lập. Trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt HĐQT ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng các phương án kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý Tập đoàn và phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị. Phó chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT điều hành và không điều hành: Giám sát các lĩnh vực tiếp thị, đầu tư tài chính, hoạt động kinh doanh và tình hình góp vốn tại các công ty thành viên và pháp lý của Tập đoàn.

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công. Thường trực Hội đồng quản trị tham gia các buổi họp hàng tuần cùng Ban Tổng giám đốc để kịp thời đề ra các định hướng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự điều hành linh hoạt, quyết liệt, kịp thời của Ban Tổng Giám đốc để đạt được những kết quả kinh doanh ấn tượng. Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ, Nghị quyết của HĐQT và các kế hoạch sản xuất kinh doanh ĐHĐCĐ đề ra.

Ban Tổng giám đốc đã đẩy mạnh hoàn thiện pháp lý các dự án, triển khai số hóa các mảng công việc, quy trình tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên; đặc biệt là tiếp tục áp dụng chương trình đo lường hiệu quả công việc (KPI) với kỳ vọng gia tăng năng suất và hiệu quả hoạt động.

Tập đoàn chú trọng tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng đến khâu quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ kế cận; tiếp tục nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, vận hành các dự án; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và chăm sóc khách hàng, qua đó nâng cao uy tín và thương hiệu Becamex.

7. Thù lao và tiền lương của Hội đồng quản trị:

Các khoản tiền lương, tiền thưởng, thù lao Hội đồng quản trị được nhận trong năm 2025 là 11.096.382.093 đồng. Trong đó tiền lương và tiền thưởng của các thành viên chuyên trách là: 10.566.382.093 đồng. Thù lao của các thành viên không chuyên trách là: 530.000.000 đồng. Chi tiết tiền lương, tiền thưởng và thù lao của từng thành viên được công bố chi tiết tại mục 2a phần 8 thuyết minh BCTC 2025 đã kiểm toán 2025 tại link: <http://www.becamex.com.vn> mục Cổ đông-Tin tức-Dành cho cổ đông - công bố thông tin.



II. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Chiến lược phát triển Tập đoàn giai đoạn 5 năm:

Qua đánh giá các thách thức và cơ hội, trong giai đoạn 2026-2030, Tập đoàn Becamex kỳ vọng đây là giai đoạn phát triển đột phá của Tập đoàn với các kế hoạch được xác định cụ thể tại các lĩnh vực sau:

Ở lĩnh vực phát triển khu công nghiệp (KCN), Tập đoàn sẽ phát triển các dự án KCN theo mô hình KCN sinh thái thông minh thể hệ mới chú trọng tiêu chí bền vững về năng lượng tái tạo, tuần hoàn nước và giảm phát thải khởi đầu với KCN Bầu Bàng mở rộng (giai đoạn 2 - quy mô 380ha), KCN Cây Trường (quy mô 700ha) và chuyển đổi dần các KCN truyền thống theo hướng tự động hóa và bền vững. Bên cạnh đó, Tập đoàn sẽ cùng với VSIP đầu tư các KCN thể hệ mới ra các tỉnh thành dự kiến tại TP.HCM, Khánh Hòa, Tây Ninh, Lâm Đồng, Đồng Nai tạo dư địa tăng trưởng các năm tới. Đặc biệt, Tập đoàn đang nghiên cứu đầu tư các Khu công nghệ số, KCN KHCN tại TP.HCM trong các năm tới.

Ở lĩnh vực hạ tầng giao thông, Tập đoàn sẽ tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thành 4 công trình giao thông trọng điểm tại khu vực TP.HCM là dự án mở rộng Quốc lộ 13, Đường cao tốc TP.HCM-Thủ Dầu Một-Chơn Thành, Đường Vành đai 4 (đoạn qua Bình Dương cũ) và dự án nâng cấp đường Mỹ Phước - Tân Vạn với tổng mức đầu tư khoảng 65.000 tỷ đồng trong đó vốn đầu tư của doanh nghiệp là gần 35.000 tỷ đồng. Ngoài ra, Tập đoàn cũng đang nghiên cứu dự án Đường sắt tốc độ cao vận tải hàng hóa và hành khách Chơn Thành – Bầu Bàng – An Bình – Cái Mép dài 153km.

Ở lĩnh vực phát triển đô thị, trong 5 năm tới, Tập đoàn đặt mục tiêu phát triển hoàn thiện dự án ở phía bắc TP. Hồ Chí Minh và phát triển các dự án đô thị gắn liền với các dự án KCN tại các tỉnh thành. Trong phân khúc NOXH, Tập đoàn dự kiến sẽ đầu tư và đưa vào sử dụng hơn 10.000 căn NOXH tại TP.HCM. Việc phát triển NOXH thể hiện trách nhiệm với cộng đồng của Tập đoàn và cam kết phát triển bền vững.

Nhằm cụ thể hóa chiến lược phát triển bền vững, Tập đoàn và các đơn vị thành viên đang nghiên cứu đầu tư các **dự án điện mặt trời (solar farm)** mục tiêu tạo nguồn năng lượng sạch và tái tạo cung cấp cho các khách hàng trong các KCN và dự án đô thị của Tập đoàn.

Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Năm 2026, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn dự kiến tiếp tục chịu tác động từ những biến động của môi trường kinh tế và thị trường, có thể ảnh hưởng đến công tác thu hút đầu tư, kế hoạch huy động vốn cũng như tiến độ triển khai các dự án. Trên nền tảng hệ sinh thái công nghiệp – đô thị – dịch vụ đã được phát triển trong nhiều năm, Tập đoàn định hướng tập trung nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, sản xuất thông minh và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, Tập đoàn tham gia phát triển Đô thị Khoa học Công nghệ Bắc TP.HCM, hướng tới hình thành trung tâm nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao, góp phần tạo động lực tăng trưởng mới và thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của khu vực. Một số dự án đầu tư dự kiến tiếp tục triển khai và đẩy mạnh trong năm 2026 như sau:

- Khu công nghiệp Cây Trường
- Khu công nghiệp Bầu Bàng mở rộng giai đoạn 2



- Dự án Nhà ở Xã hội Việt Sing và Định Hòa
- Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc Lộ 13
- Dự án nâng cấp tuyến đường Mỹ Phước Tân Vạn theo hình thức PPP
- Dự án Cao tốc TP. HCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành
- Dự án đường Vành Đai 4 TP. Hồ Chí Minh đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Sông Sài Gòn
- Khu công nghệ số tập trung Bình Dương (15,4ha)
- Khu công nghệ số tập trung TP.HCM (100ha)

Qua tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2025, Tập đoàn xây dựng kinh doanh năm 2026 của Công ty mẹ qua các chỉ tiêu chủ yếu sau:

Kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ năm 2026:

a. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ với các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%) (KH/TH)
1	Tổng doanh thu	7.495	8.250	110
2	Tổng chi phí	5.127	5.600	109
3	Lợi nhuận trước thuế	2.368	2.650	112
4	Lợi nhuận sau thuế	2.083	2.290	110

b. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất với các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%) (KH/TH)
1	Tổng doanh thu	9.819	10.230	104
2	Tổng chi phí	6.076	6.100	100
3	Lợi nhuận trước thuế	3.743	4.130	110
4	Lợi nhuận sau thuế	3.525	3.883	110

Các giải pháp thực hiện kế hoạch 2026:

Tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo trong những năm qua, bước sang năm 2026, Tập đoàn sẽ tích cực nghiên cứu, học hỏi các mô hình phát triển tiên tiến trên thế giới nhằm tìm ra những giải pháp phù hợp để thích ứng với bối cảnh mới, đồng thời tiếp tục củng cố và nâng cao lợi thế cạnh tranh của Becamex trong thu hút đầu tư. Hội đồng quản trị tập trung vào một số định hướng trọng tâm như sau:

Trên cơ sở định hướng phát triển của TP. Hồ Chí Minh theo hướng công nghiệp gắn với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Tập đoàn tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện mô hình khu công nghiệp – khoa học công nghệ – đô thị tại các khu vực như Cây Trường, Bàu Bàng. Đồng thời, Tập đoàn tham gia phát triển Đô thị Khoa học Công nghệ Bắc TP.HCM, hướng tới hình thành trung tâm nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao, kết nối giữa hoạt động nghiên cứu, đào tạo



và sản xuất công nghiệp, qua đó thu hút các Tập đoàn công nghệ cao và nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của khu vực.

Tập đoàn Becamex đang xây dựng chiến lược chuyển đổi số toàn diện. Để phát triển kinh tế số, chuyển đổi số được xác định là bước trung gian quan trọng nhằm từng bước chuyển đổi mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ số. Trong ngắn hạn, chuyển đổi số sẽ giúp tối ưu hóa các mô hình kinh doanh hiện tại, nâng cao năng suất lao động và giảm thâm dụng lao động. Trong dài hạn, các mô hình kinh doanh trên không gian số sẽ từng bước hình thành và phát triển, góp phần thúc đẩy nền kinh tế số. Với lợi thế cạnh tranh trong phát triển công nghiệp đã được khẳng định, mục tiêu của Tập đoàn là thúc đẩy phát triển công nghệ và công nghiệp 4.0.

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố cốt lõi quyết định sự thành công của mọi chiến lược. Tập đoàn tiếp tục hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để xây dựng hệ thống giáo dục và đào tạo theo chuẩn quốc tế, tăng cường đào tạo kỹ năng số, kỹ năng quản trị và an toàn lao động, đồng thời thực hiện các chính sách tuyển dụng và đãi ngộ cạnh tranh nhằm thu hút và giữ chân đội ngũ chuyên gia, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026.

Kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2026 xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hùng



PHỤ LỤC I. DANH MỤC NGHỊ QUYẾT NĂM 2025

STT	Số	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	02/01/2025	Về việc sáp nhập Ban Quản lý và Phát triển Vốn Becamex vào Phòng Quản lý Tài chính
2	02/NQ-HĐQT	20/01/2025	Về việc tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty Becamex IDC tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Becamex – VSIP từ 36% lên 49%
3	03/NQ-HĐQT	21/01/2025	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Công viên chào đón thuộc dự án Khu đô thị mới
4	04/NQ-HĐQT	23/01/2025	Cử người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty tại Công ty Cổ Phần Đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành
5	05/NQ-HĐQT	24/01/2025	Phê duyệt chủ trương điều chỉnh tiến độ thực hiện và tổng mức đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nhà ở an sinh xã hội – Khu 6 Việt Sing
6	06/NQ-HĐQT	03/02/2025	Về việc phê duyệt mức phí chiết khấu phân phối cổ phiếu của Tổng công ty Becamex.
7	07/NQ-HĐQT	05/02/2025	Phê duyệt kế hoạch xác định giá khởi điểm bán đấu giá
8	08/NQ-HĐQT	05/02/2025	Thông qua giá khởi điểm bán đấu giá cho đợt chào bán thêm 300.000.000 cổ phiếu BCM
9	09/NQ-HĐQT	10/02/2025	Gia hạn cổ tức năm 2022 cho Công ty Becamex IJC
10	10/NQ-HĐQT	19/02/2025	Thông qua Quy chế bán đấu giá công khai cho đợt chào bán thêm 300.000.000 cổ phiếu BCM
11	11/NQ-HĐQT	06/03/2025	Thành lập Hội đồng bán đấu giá cổ phiếu ra công chúng
12	12/NQ-HĐQT	18/03/2025	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án: Khu dân cư 5A Ấp 5
13	13/NQ-HĐQT	18/03/2025	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án: Khu dân cư 5B Ấp 5, Lai Uyên, Bàu Bàng
14	14/NQ-HĐQT	18/03/2025	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án: Khu dân cư 5D Ấp 5, Lai Uyên, Bàu Bàng
15	15/NQ-HĐQT	19/03/2025	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án: Khu dân cư 5C Ấp 5, Lai Uyên, Bàu Bàng



STT	Số	Ngày phát hành	Nội dung
16	16/NQ-HĐQT	20/03/2025	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án: Khu dân cư 5E Ấp 5, Lai Uyên, Bàu Bàng
17	17/NQ-HĐQT	20/03/2025	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án: Khu dân cư Lai Hưng, Lai Uyên, Bàu Bàng
18	18/NQ-HĐQT	20/03/2025	Về việc đề xuất UBND tỉnh Bình Dương cử Người đại diện vốn nhà nước tại Tổng công ty Becamex IDC nhiệm kỳ II, 2023-2028
19	19/NQ-HĐQT	24/03/2025	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
20	20/NQ-HĐQT	24/03/2025	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
21	21/NQ-HĐQT	26/03/2025	Về việc gia hạn thời gian thanh toán cổ tức năm 2023 cho Công ty cổ phần Phát triển Đô thị
22	22/NQ-HĐQT	26/03/2025	Về việc gia hạn thời gian thanh toán cổ tức năm 2020 cho Công ty CP Cao su Bình Dương
23	23/NQ-HĐQT	28/03/2025	Về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ Phần Đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành
24	24/NQ-HĐQT	09/04/2025	Thông qua việc tạm hoãn đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty
25	25/NQ-HĐQT	14/04/2025	Về việc giải thể Phòng Pháp Chế trực thuộc Tổng Công ty Becamex IDC
26	26/NQ-HĐQT	17/04/2025	Cử Người đại diện và quản lý phần vốn góp của Tổng công ty Becamex IDC tại Công ty VNNTT
27	27/NQ-HĐQT	17/04/2025	Phê duyệt chủ trương trình Ban quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bàu Bàng mở rộng
28	28/NQ-HĐQT	17/04/2025	Phê duyệt chủ trương trình Ban quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Cây Trường
29	29/NQ-HĐQT	23/04/2025	Thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
30	30/NQ-HĐQT	28/04/2025	Phê duyệt chủ trương trình Ban quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự



STT	Số	Ngày phát hành	Nội dung
			án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Cây Trường
31	31/NQ-HĐQT	05/05/2025	Phê duyệt chủ trương trình Ban quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bàu Bàng mở rộng
32	32/NQ-HĐQT	08/05/2025	Bảo lãnh khoản vay tín dụng đối với 02 dự án Khu tái định cư – Dân cư Hiệp Vinh 2 và Khu tái định cư – Dân cư Tân Vinh cho Công ty Cổ phần Becamex Bình Định
33	33/NQ-HĐQT	14/05/2025	Thông qua trình ĐHCĐ TN 2025 bầu bổ sung TV HĐQT nhiệm kỳ II 2023-2028 và bổ sung tài liệu ĐHCĐ TN
34	34/NQ-HĐQT	15/05/2025	Thông qua Bầu các chức danh Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II, 2023-2028.
35	35/NQ-HĐQT	23/05/2025	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Chung cư cao tầng – Khu 5 Định Hòa thuộc dự án: Nhà ở an sinh xã hội – Khu 5 Định Hòa
36	36/NQ-HĐQT	03/06/2025	Về việc cử người đại diện theo ủy quyền tại Công ty Cổ Phần Đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh
37	37/NQ-HĐQT	03/06/2025	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 1 năm 2025
38	38/NQ-HĐQT	03/06/2025	Về việc sáp nhập Ban quản lý KCN KHCN vào Viện Nghiên cứu & Phát triển Khoa học Công nghệ Becamex (Viện R&D)
39	39/NQ-HĐQT	05/06/2025	Về việc Cử người đại diện quản lý vốn góp của Tổng Công ty Becamex IDC tại Công ty BCE
40	40/NQ-HĐQT	17/06/2025	V/v triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024
41	41/NQ-HĐQT	18/06/2025	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án: Khu dân cư 5F Ấp 5, Lai Uyên, Bàu Bàng
42	42/NQ-HĐQT	24/06/2025	Về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng giám đốc – Người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty
43	43/NQ-HĐQT	24/06/2025	Thông qua tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 1 năm 2025
44	44/NQ-HĐQT	25/06/2025	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2025 với tổng giá trị là 2.500 tỷ đồng



STT	Số	Ngày phát hành	Nội dung
45	44-HĐTĐ/NQ-HĐQT	26/06/2025	Thay đổi nhân sự Hội đồng Thẩm định, Đấu thầu, Thanh lý Tài sản
46	45/NQ-HĐQT	28/06/2025	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc các dự án
47	46/NQ-HĐQT	02/07/2025	Các nội dung liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
48	47/NQ-HĐQT	03/07/2025	Về công tác cán bộ của Tổng công ty Becamex IDC
49	47-HĐTĐ/NQ-HĐQT	04/07/2025	Thay đổi nhân sự Hội đồng Thẩm định, Đấu thầu, Thanh lý Tài sản
50	48/NQ-HĐQT	09/07/2025	Về việc gia hạn thời gian lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 1 năm 2025
51	49/NQ-HĐQT	10/07/2025	Cử Người đại diện và quản lý phần vốn góp của Tổng công ty Becamex IDC tại Công ty Cổ phần Becamex Bình Định
52	50/NQ-HĐQT	18/07/2025	Thông qua chủ trương về việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy
53	51/NQ-HĐQT	22/07/2025	Phê duyệt Tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh dự án: Đường Tạo lực Mỹ Phước – Bàu Bàng
54	52/NQ-HĐQT	22/07/2025	Phê duyệt Tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh công trình Đường Mỹ Phước – Tân Vạn, tỉnh Bình Dương (Km0+000 đến Km26+167,53) và đoạn vượt nối vào đường ĐT743A.
55	53/NQ-HĐQT	23/07/2025	Phê duyệt Tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh dự án: Đường Mỹ Phước – Tân Vạn nối dài, từ đường ĐT741 đến khu Công nghiệp Mỹ Phước
56	54/NQ-HĐQT	28/07/2025	Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2025
57	55/NQ-HĐQT	01/08/2025	Về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ của Tổng công ty
58	56/NQ-HĐQT	04/08/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty Becamex IDC (CN TPHCM)
59	57/NQ-HĐQT	14/08/2025	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 2 năm 2025
60	58/NQ-HĐQT	18/08/2025	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Phê duyệt Tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh dự án: Đường Mỹ Phước – Tân Vạn nối dài, từ đường ĐT741 đến khu Công nghiệp Mỹ Phước



STT	Số	Ngày phát hành	Nội dung
61	59/NQ-HĐQT	18/08/2025	Thông qua chủ trương về việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy
62	60/NQ-HĐQT	26/08/2025	V.v Góp tăng vốn điều lệ cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Becamex – VSIP từ 100 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng
63	61/NQ-HĐQT	28/08/2025	Thông qua chủ trương thành lập Hội đồng Thể dục Thể thao Tổng Công ty Becamex IDC
64	62/NQ-HĐQT	29/08/2025	Thông qua tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 2 năm 2025
65	63/NQ-HĐQT	08/09/2025	Về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ Phần Đường Vàng Đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh.
66	64/NQ-HĐQT	24/09/2025	V/v thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ Thuật (Becamex IJC)
67	65/NQ-HĐQT	24/09/2025	Thông qua chủ trương về việc sắp xếp lại hoạt động của các Phòng ban tại Tổng Công ty
68	66/NQ-HĐQT	02/10/2025	Về điều chỉnh mục đích phát hành trái phiếu trong năm 2025
69	67/NQ-HĐQT	15/10/2025	Thông qua thay đổi con dấu của doanh nghiệp
70	68/NQ-HĐQT	15/10/2025	Về sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp
71	69/NQ-HĐQT	15/10/2025	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 2 năm 2025 với tổng giá trị phát hành tối đa là 2.000 tỷ đồng
72	70/NQ-HĐQT	16/10/2025	Thông qua chủ trương thành lập Phòng Pháp chế trực thuộc Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
73	71/NQ-HĐQT	16/10/2025	Thông qua việc vay vốn, phát hành bảo lãnh và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.
74	72-HĐTĐ/NQ-HĐQT	18/10/2025	Thay đổi nhân sự Hội đồng thẩm định, đấu thầu, thanh lý tài sản
75	72/NQ-HĐQT	30/10/2025	Về việc vay vốn ngắn hạn và biện pháp bảo đảm tiền vay tại Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)
76	73/NQ-HĐQT	01/12/25	Về việc góp tăng vốn điều lệ cho Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước
77	74/NQ-HĐQT	02/12/25	Về việc góp tăng vốn điều lệ cho Công ty CP Becamex Bình Định
78	75/NQ-HĐQT	11/12/25	Về việc vay vốn dài hạn và biện pháp bảo đảm tiền vay tại Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB)



STT	Số	Ngày phát hành	Nội dung
79	76/NQ-HĐQT	12/12/2025	Việc cử Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp của Becamex Group tại Công ty Cổ phần Becamex Bình Định
80	77/NQ-HĐQT	15/12/2025	Về việc góp tăng vốn điều lệ cho Công ty Liên Doanh TNHH Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore
81	78/NQ-HĐQT	24/12/2025	Về việc phê duyệt chủ trương thành lập Công ty con - Công ty TNHH Một Thành Viên WTC Becamex
82	79/NQ-HĐQT	31/12/2025	V.v chi trả thù lao cho các cá nhân tham gia HĐQT, BKS tại các công ty thành viên qua các năm.
83	80/NQ-HĐQT	31/12/2025	V.v trích quỹ phát triển khoa học công nghệ năm 2025



BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**1. Về cơ cấu tổ chức**

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ I (2023-2028) của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex-CTCP (Tập đoàn Becamex) gồm có 7 thành viên. Trong đó có 2 thành viên độc lập. Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động quản trị Tập đoàn đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty.

2. Về kết quả công tác quản trị và giám sát:

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai các kế hoạch, chủ trương, định hướng chiến lược do ĐHĐCĐ đề ra.

Chủ tịch Hội đồng quản trị đã phân công, phân nhiệm cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tập đoàn theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ.

HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Tập đoàn và các cổ đông.

Tập đoàn đã tuân thủ quy định có liên quan về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh giao dịch giữa người nội bộ Tập đoàn, người có liên quan của người nội bộ với Tập đoàn. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Về tuân thủ các quy định

Các Thành viên Hội đồng quản trị chủ động cập nhật các chính sách mới của Pháp luật liên quan đến hoạt động của Tập đoàn, đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán để kịp thời sửa đổi bổ sung điều lệ, quy chế trình ĐHĐCĐ thông qua.

4. Kết luận:

HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng trong việc giám sát hoạt động điều hành của Tập đoàn, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao.

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2025 tuân thủ Điều lệ Tập đoàn, Quy chế quản trị Tập đoàn và quy định pháp luật.



Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan trên cơ sở đảm bảo cao nhất lợi ích của cổ đông Tập đoàn.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét và thông qua.

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

NGUYỄN VĂN HIỀN PHÚC



**BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026****1. VỀ VIỆC TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỌP HĐQT**

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, biểu quyết thông qua theo đúng quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT.

Các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Biên bản họp ghi nhận đầy đủ kết quả biểu quyết của từng thành viên.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật hiện hành.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tập đoàn

- Theo BCTC tổng hợp: tổng doanh thu năm 2025 đạt 7.495 tỷ đồng, hoàn thành 96% kế hoạch và tăng trưởng 56 % so với thực hiện năm 2024. Tổng chi phí thực hiện đạt 5.127 tỷ đồng hoàn thành 89% kế hoạch và 187% so với thực hiện năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 2.083 tỷ đồng, hoàn thành 113% kế hoạch và tăng trưởng 15% so với thực hiện năm 2024.

- Theo BCTC hợp nhất: tổng doanh thu hợp nhất đạt 9.819 tỷ đồng, hoàn thành 103 % kế hoạch và tăng 33% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 3.525 tỷ đồng đạt 143% kế hoạch ĐHCĐ giao và tăng 47% so với năm 2024.

3. GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ TẬP ĐOÀN, NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Tập đoàn đã tuân thủ quy định có liên quan về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh giao dịch giữa người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ với Tập đoàn. Các giao dịch này được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

4. ĐÁNH GIÁ CHUNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển kinh doanh mang tính đột phá, phù hợp với xu thế phát triển hướng đến phát triển bền vững cho Tập đoàn.

Các thành viên HĐQT thực hiện đúng vai trò trách nhiệm, tham dự đầy đủ các buổi họp và các ý kiến biểu quyết góp phần xây dựng cho định hướng phát triển của Tập đoàn.



HĐQT đã đề xuất giải pháp hiệu quả, kịp thời để hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý điều hành, vận dụng số hóa để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét và thông qua.

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Vũ Quang Vinh





BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

Căn cứ vào luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP;

Căn cứ báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất năm 2025 của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP (“Tập đoàn”) đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Ban kiểm soát (“BKS”) chúng tôi xin báo cáo trước quý vị cổ đông tình hình và kết quả hoạt động của BKS trong năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của BKS

1. Các hoạt động của BKS

BKS Tập Đoàn nhiệm kỳ II (2023 – 2028) được bầu cử thông qua Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên. Trong năm 2025, cơ cấu và số lượng thành viên BKS không thay đổi so với năm 2024, cụ thể như sau:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
1	Ông Hồ Hồng Thạch	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 28/11/2024
2	Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
3	Bà Huỳnh Thị Quế Anh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29/06/2023

Trong năm 2025, BKS đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao tập trung các nội dung chính sau:

- Tuân thủ quy định Tập đoàn, BKS đã tổ chức các cuộc họp chuyên đề nhằm đánh giá khách quan tình hình tài chính và hoạt động SXKD. Trọng tâm công tác bao gồm thẩm định sự phù hợp của các chính sách kế toán và độ tin cậy của báo cáo tài chính (“BCTC”), sự phù hợp của báo cáo của người đại diện vốn nhà nước với số liệu của Tập Đoàn.



- Các thành viên BKS đã chủ động sắp xếp công việc để tham dự đầy đủ các kỳ họp ĐHĐCĐ. Trưởng BKS đã tham gia và đóng góp ý kiến sâu sát tại các phiên họp của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) cùng những cuộc họp trọng yếu nhằm nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh, đầu tư. Thông qua đó, BKS thực hiện giám sát chặt chẽ tính tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ trong việc ban hành, triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, cũng như hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch Sản xuất Kinh doanh của Tập đoàn thông qua việc xem xét BCTC hàng quý và BCTC năm đã được kiểm toán;

- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường của doanh nghiệp niêm yết, nhằm đảm bảo tính kịp thời, chính xác và minh bạch trong việc truyền tải thông tin đến cổ đông;

- Đề xuất danh sách công ty kiểm toán độc lập, những đơn vị có năng lực và uy tín, để kiểm toán BCTC và kiểm toán hoạt động của Tập đoàn trong năm 2025;

- Giám sát việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 tuân thủ đúng quy định pháp luật;

- Tiến hành rà soát các báo cáo theo yêu cầu cụ thể của đại diện cổ đông Nhà Nước phù hợp Điểm c Khoản 2 Điều 115 và Khoản 6 Điều 170 Luật Doanh Nghiệp 2020;

2. Các cuộc họp của BKS

- Trong năm 2025, BKS đã tiến hành 18 cuộc họp một cách khách quan và trách nhiệm. Với sự tham gia đầy đủ của các thành viên, BKS đã thảo luận, thống nhất các vấn đề trọng yếu liên quan đến công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập Đoàn nhằm đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả trong hoạt động, các nội dung chính như sau:

- Xây dựng kế hoạch định hướng các công việc BKS trong năm 2025.

- Đánh giá kết quả tình hình sản xuất kinh doanh năm, so sánh với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ đề ra, đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, BKS năm 2024 trình đại hội năm 2025;

- Thẩm định BCTC trong năm 2025 với các nội dung chính như sau:

+ Xem xét tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán;

+ Đánh giá khách quan kết quả hoạt động kinh doanh trong từng kỳ;

+ Đánh giá tình hình tài chính và thực hiện nghĩa vụ ngân sách định kỳ của Tập Đoàn, đảm bảo sự minh bạch và tuân thủ pháp luật.

- Đánh giá nội dung báo cáo của Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn. Trong suốt niên độ vừa qua, BKS đã thực thi nhiệm vụ trên tinh thần độc lập, khách quan, bám sát các quy định pháp luật và quy chế nội bộ của Tập đoàn, góp phần vào việc quản trị rủi ro của Tập Đoàn. BKS đã phát huy tốt vai trò trách nhiệm, chủ động nhận diện và đưa ra các đóng góp mang tính xây dựng kịp thời đối với những hoạt động tiềm ẩn rủi ro, hỗ trợ



cho công tác quản trị và điều hành của Tập Đoàn.

- Tiền lương, thưởng của các thành viên BKS tại Tập Đoàn trong năm 2025 là 2.710.909.985 đồng. Chi tiết tiền lương, tiền thưởng của từng thành viên được công bố chi tiết tại mục 2a phần VIII thuyết minh BCTC 2025 đã kiểm toán tại link: <https://becamex.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>.

- Chi phí hoạt động và các lợi ích khác: 0 đồng.

II. Kết quả kiểm tra của BKS

1. Kết quả giám sát đối với HĐQT

Trong năm 2025, số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thay đổi so với năm 2024, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 29/06/2023
2	Ông Nguyễn Phú Thịnh	Phó Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 29/06/2023
3	Ông Phạm Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 29/06/2023 Bổ nhiệm ngày 15/05/2025
4	Ông Nguyễn Thế Duy	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/05/2025
5	Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên HĐQT không điều hành	Tái bổ nhiệm ngày 29/06/2023
6	Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên Độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 29/06/2023
7	Ông Vũ Quang Vinh	Thành viên Độc lập	Bổ nhiệm ngày 15/05/2025

Việc thay đổi nhân sự của HĐQT nêu trên được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp luật Doanh nghiệp và Điều Lệ Tập đoàn, cụ thể:

ĐHĐCĐ đã tổ chức họp ngày 15/05/2025 theo Biên bản họp số 01/2025/BB-ĐHĐCĐ và Ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2025 quyết nghị: bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ II, 2023-2028 ông Nguyễn Thế Duy, ông Vũ Quang Vinh.

- HĐQT đã tổ chức họp ngày 15/05/2025 theo Biên bản họp số 34/BB-HĐQT (7/7 thành viên tán thành) và Ban hành Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐQT ngày 15/5/2025 quyết nghị Thống nhất bầu các chức danh trong HĐQT nhiệm kỳ II, 2023-2028.

Trong năm 2025, HĐQT nhiệm kỳ II (2023-2028) của Tập Đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP đã thực hiện vai trò lãnh đạo, điều hành hoạt động kinh doanh bám sát định hướng chiến lược, đảm bảo tiến độ và mục tiêu đã được phê duyệt. Hoạt động này được triển khai trong khuôn khổ pháp lý của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động của Tập Đoàn, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, và các quy định pháp luật liên quan.

Với tinh thần công khai và minh bạch, HĐQT đã tổ chức 83 phiên họp để kịp thời ban hành các quyết sách quan trọng. Các vấn đề trọng yếu đều được thảo luận kỹ lưỡng, đạt sự đồng thuận cao trước khi ban hành. Các nội dung trọng tâm chủ yếu tập trung tối ưu hóa bộ máy quản trị thông qua việc sắp xếp lại các phòng ban và thay đổi nhân sự chủ chốt, đồng thời chủ động điều chỉnh dòng vốn để đảm bảo sự linh hoạt trước những biến động thị trường song song với việc tập trung nguồn lực cho các dự án hạ tầng chiến lược cho các dự án hạ tầng giao thông và khu công nghiệp trọng điểm tạo nên vị thế của Tập đoàn Becamex để hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng dài hạn.



2. Kết quả hoạt động và kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai các nghị quyết của HĐQT giúp hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của năm đưa Tập đoàn khẳng định vị thế dẫn đầu trong các lĩnh vực cốt lõi. Đặc biệt, nỗ lực cân đối nguồn lực để khởi động các dự án giao thông và KCN sinh thái thế hệ mới minh chứng cho một cấu trúc tài chính tích cực, giúp Tập đoàn không chỉ ổn định trong ngắn hạn mà còn kiến tạo giá trị dài hạn cho cổ đông.

BKS đánh giá cao tinh thần trách nhiệm và tính minh bạch của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc duy trì cơ chế báo cáo, tham vấn thường xuyên và mời tham dự các phiên họp trọng yếu. Sự chủ động này đã giúp hệ thống quản trị nội bộ kiểm soát tốt rủi ro, đảm bảo mọi hoạt động đầu tư đều tuân thủ các quy định pháp luật và nghị quyết của cổ đông. Đây là nền tảng vững chắc giúp Tập Đoàn hoàn thành các chỉ tiêu lợi nhuận và gia tăng giá trị bền vững trong trung và dài hạn.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tập Đoàn

BKS sau khi xem xét báo cáo của HĐQT và Ban Điều hành, thống nhất với đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh của Tập Đoàn. Các chỉ số hoạt động kinh doanh chủ yếu được tổng hợp từ số liệu BCTC tổng hợp năm 2025 đã được kiểm toán của Tập Đoàn như sau:

Đvt : Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2024	Năm 2025		TH2025/ TH2024 (%)	TH2025/ KH2025 (%)
		Kế hoạch	Thực hiện		
Tổng doanh thu	4.791	7.786	7.495	156	96
Tổng chi phí	2.747	5.751	5.127	187	89
Lợi nhuận trước thuế	2.044	2.035	2.368	116	116
Lợi nhuận sau thuế	1.803	1.845	2.083	115	113

Tại công ty mẹ, tổng doanh thu năm 2025 đạt mức 7.495 tỷ đồng, bằng 156% kết quả đạt được năm 2024 và đạt 96% chỉ tiêu kế hoạch năm. Trong năm 2025, lĩnh vực kinh doanh bất động sản vẫn giữ vững vị thế chủ đạo, đóng góp phần lớn vào tổng doanh thu với 5.855 tỷ đồng, tương đương 78%. Tiếp theo đó, hoạt động cung cấp dịch vụ xử lý nước thải, quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng tại các khu công nghiệp mang về 402 tỷ đồng, chiếm 5% tổng doanh thu. Phần còn lại là doanh thu từ hoạt động xây dựng và các nguồn khác đạt 87 tỷ đồng, tương ứng với 1% tổng doanh thu.

Hoạt động cốt lõi tăng trưởng mạnh mẽ với doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ gia tăng đáng kể đạt mức 6.343 tỷ đồng, tăng gần 69% so với cùng kỳ, chủ yếu do tăng doanh thu kinh doanh bất động sản. Tuy nhiên, tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu thuần lại gia tăng từ 22% lên 33% trực tiếp kéo biên lợi nhuận gộp điều chỉnh từ 78% về 67%. Ban điều hành cần tiếp tục giám sát chặt chẽ các yếu tố đầu vào và giá thành để tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh bất động sản trong các giai đoạn tới.

Hoạt động tài chính duy trì đà đóng góp tích cực với doanh thu đạt 1.111 tỷ đồng



(tăng 10% tương đương tăng hơn 100 tỷ đồng), cùng với việc kiểm soát tốt chi phí bán hàng (tăng nhẹ 0,4%) và sự gia tăng của Thu nhập khác (tăng 125%, tương đương tăng 23 tỷ đồng) đã góp phần trong việc cân bằng lại kết quả kinh doanh chung.

Bên cạnh những điểm tích cực, đáng lưu ý là chi phí tài chính tăng 134% (799 tỷ đồng), trong đó chi phí lãi vay tăng 18% (203 tỷ đồng). Thêm vào đó, chi phí khác lại tăng mạnh 116%, kéo theo sự suy giảm đáng kể trong lợi nhuận khác. Sự gia tăng chi phí này đã gây áp lực lên lợi nhuận thuần. Theo đó, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt mức 2.368 tỷ đồng, bằng 116% kết quả đạt được năm 2024 và đạt 116% chỉ tiêu kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế tăng 15% lên 2.083 tỷ đồng, đạt 113% kế hoạch năm. Nhìn chung, năm 2025 tiếp tục là một năm đầy thách thức, doanh thu tổng hợp chịu ảnh hưởng từ khó khăn chung của thị trường. Dù phải đối mặt với áp lực tăng chi phí tài chính và giá vốn, nhưng với việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHCĐ giao, BKS đánh giá cao nỗ lực duy trì sự tăng trưởng bền vững của Tập đoàn.

Kết quả hoạt động kinh doanh theo số liệu BCTC hợp nhất năm 2025 của Tập Đoàn:

Dvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2024	Năm 2025		TH2025/ TH2024 (%)	TH2025/ KH2025 (%)
		Kế hoạch	Thực hiện		
Tổng doanh thu	7.410	9.500	9.819	133	103
Tổng chi phí	4.831	6.800	6.076	126	89
Lợi nhuận trước thuế	2.579	2.700	3.743	145	138
Lợi nhuận sau thuế	2.401	2.470	3.525	147	143

Trong năm 2025, doanh thu từ mảng kinh doanh bất động sản trở lại tăng trưởng mạnh mẽ, ghi nhận sự bứt phá của mảng kinh doanh cốt lõi khi doanh thu thuần đạt 6.953 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 32% (tương ứng tăng 1.693 tỷ đồng) so với kỳ trước.

Mặc dù tỷ lệ giá vốn trên doanh thu thuần có sự điều chỉnh tăng từ 33% lên 40% làm biên lợi nhuận gộp thu hẹp về mức 60%, nhưng nhờ quy mô doanh thu tăng mạnh, lợi nhuận gộp vẫn đạt mức ấn tượng 4.165 tỷ đồng, tăng trưởng 19%.

Điểm sáng trong năm 2025 là sự đóng góp vượt bậc từ phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết với giá trị 2.633 tỷ đồng, tăng hơn 35% so với năm trước. Bên cạnh đó, việc tiết giảm chi phí bán hàng (giảm hơn 57 tỷ đồng) cùng sự gia tăng ổn định từ doanh thu tài chính và thu nhập khác đã bù đắp đáng kể cho áp lực tăng từ chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và chi phí khác.

Theo đó, kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn đạt mức lợi nhuận trước thuế là 3.743 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh mẽ 45%, hoàn thành 138% kế hoạch. Với lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 3.525 tỷ đồng, tăng trưởng gần 47% so với năm 2024, Tập đoàn đã hoàn thành 143% kế hoạch lợi nhuận năm. Nhìn chung, những kết quả tài chính ấn tượng này đã thể hiện khả năng thích ứng hiệu quả của Tập Đoàn trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy biến động do căng thẳng thương mại, thuế quan, và những rào cản từ thị trường bất động sản.



Tình hình tài chính của Tập Đoàn được đánh giá qua một số chỉ tiêu cơ bản sau
(Căn cứ BCTC hợp nhất):

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025
A	Hệ số thanh toán			
1	Hệ số thanh toán tổng quát = Tổng tài sản/Nợ phải trả	Lần	1,54	1,62
2	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản NH/Nợ NH	Lần	1,45	1,45
B	Hệ số cơ cấu nguồn vốn			
1	Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	%	64,73	61,65
2	Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH	Lần	1,84	1,61
C	Hệ số khả năng sinh lời			
1	Tỷ suất LNST trên Tổng tài sản bình quân ROA	%	4,28	5,89
2	Tỷ suất LNST trên Vốn chủ sở hữu bình quân ROE	%	11,94	15,98

Tại ngày 31/12/2025, các hệ số thanh toán của Tập đoàn tiếp tục duy trì ở mức trên 1.0, khẳng định tình hình tài chính ổn định và đảm bảo khả năng hoàn trả các nghĩa vụ nợ. Hệ số thanh toán tổng quát tăng nhẹ, từ 1,54 lên 1,62 lần chủ yếu đến từ việc đẩy mạnh quy mô tài sản dài hạn thông qua các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn vẫn duy trì ổn định ở mức 1,45 lần.

Cơ cấu nguồn vốn của Tập đoàn có sự chuyển dịch theo hướng tích cực hơn. Hệ số Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu ghi nhận sự sụt giảm từ 1,84 lần xuống 1,61 lần. Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản cũng ghi nhận mức giảm từ 64,73% xuống 61,65%.

Năm 2025, các hệ số khả năng sinh lời của Tập đoàn có sự cải thiện về hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của Tập đoàn nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ của Lợi nhuận sau thuế. Cụ thể, tỷ suất ROA tăng từ 4,28% lên 5,89% và tỷ suất ROE tăng từ 11,94% lên 15,98%.

Tình hình tài chính của Tập đoàn trong năm 2025 thể hiện sự tăng trưởng ổn định và an toàn với khả năng thanh toán nợ luôn được đảm bảo ở mức tốt. Cơ cấu nguồn vốn có sự chuyển dịch tích cực khi giảm dần sự phụ thuộc vào nợ vay và tăng cường tính tự chủ về tài chính. Hiệu quả kinh doanh ghi nhận bước đột phá mạnh mẽ với khả năng sinh lời trên tài sản và vốn chủ sở hữu đều cải thiện rõ rệt nhờ sự tăng trưởng vượt bậc của lợi nhuận sau thuế.

4. Đánh giá các giao dịch liên quan đến các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan

BKS thống nhất với báo cáo về các giao dịch liên quan đến các thành viên HĐQT trong năm 2025 đã nêu trong mục VII, báo cáo tình hình quản trị công ty đại chúng 2025 đã được công bố thông tin tại website địa chỉ : <https://becamex.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cau-tinh-hinh-quan-tri-cong-ty/>, bao gồm các giao dịch sau:

Giao dịch giữa Tập đoàn, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó.

Giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng



lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Các giao dịch trên được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và công bố thông tin theo quy định. Trên cơ sở bình đẳng tự nguyện, các nội dung giao dịch đều hợp lý phù hợp với năng lực các bên tham gia, phù hợp lợi ích của Tập đoàn.

5. Kết quả thẩm định BCTC năm 2025

BKS thống nhất với nội dung BCTC năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Theo đánh giá của BKS, báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như vị thế tài chính của Tập Đoàn tại thời điểm 31/12/2025, phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

6. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông

Trong năm tài chính 2025, hoạt động giám sát của BKS đã được triển khai hiệu quả thông qua sự tương tác chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Sự phối hợp này đã góp phần củng cố cơ chế bảo vệ quyền lợi cổ đông. BKS không nhận được ý kiến đóng góp hay khiếu nại nào từ phía cổ đông liên quan đến những sai phạm của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, cũng như BKS trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Điều này phản ánh sự minh bạch và trách nhiệm trong quản trị doanh nghiệp, đồng thời củng cố niềm tin của cổ đông vào hoạt động của Tập Đoàn.

III. Kết luận

Trong năm 2025, công tác điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện sự linh hoạt và nỗ lực vượt bậc để bảo vệ lợi ích tối đa cho doanh nghiệp. Trước những biến động tiêu cực của thị trường bất động sản, Tập đoàn vẫn đạt được các cột mốc tài chính ấn tượng. Mặc dù doanh thu tổng hợp chưa đạt kỳ vọng, nhưng doanh thu hợp nhất đã vượt kế hoạch với tỷ lệ 103%. Đặc biệt, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ khi lần lượt hoàn thành 113% (tổng hợp) và 143% (hợp nhất) so với kế hoạch năm.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện sự tuân thủ các quy định theo Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Tập đoàn, Nghị quyết của ĐHCĐ. Bằng việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động, Tập Đoàn đã hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước, cổ đông; chú trọng nâng cao đời sống cho nhân viên. Mọi hoạt động được thực hiện minh bạch, tuân thủ quy định về công bố thông tin, góp phần xây dựng một môi trường doanh nghiệp vững mạnh và đáng tin cậy.



Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS năm 2025 kính trình ĐHĐCĐ xem xét và phê duyệt.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

HỒ HỒNG THẠCH



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

I. Bối cảnh năm 2025

Việt Nam là điểm sáng tăng trưởng năm 2025 với GDP tăng 8,02% trong bối cảnh căng thẳng thương mại và thuế quan trên thế giới. Đầu tháng 4/2025, Mỹ tuyên bố áp thuế đối ứng với các nước xuất khẩu lớn đẩy thương mại và thị trường tài chính toàn cầu chao đảo mạnh trong bối cảnh nhu cầu phục hồi chậm. Về mặt tích cực, Mỹ hạ lãi suất 3 lần trong năm 2025 giảm sức ép lên chính sách tiền tệ và tỷ giá với các nước có thương mại lớn như Việt Nam.

Trong nước, các cấp có thẩm quyền triển khai nhiều cải cách như tinh giảm đầu mối thông qua việc sáp nhập các Bộ ngành, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và đặc biệt Quốc hội thông qua Nghị quyết về sắp xếp các đơn vị hành chính từ 63 tỉnh thành còn 34 tỉnh thành hoạt động chính thức từ 1/7/2025 mở ra nhiều không gian phát triển mới với mục tiêu đạt tăng trưởng kinh tế hai con số từ 2026 trở đi. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ cần thiết như giảm các loại thuế, giữ mặt bằng lãi suất ổn định góp phần thúc đẩy tiêu dùng, giảm chi phí cho doanh nghiệp. Trong năm 2025, Quốc hội đã thông qua sửa đổi nhiều Luật quan trọng như Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật số 68), Luật doanh nghiệp sửa đổi (Luật số 76), Luật Đầu tư (Luật số 143), Luật thuế thu nhập cá nhân (Luật số 109) kỳ vọng sẽ tháo gỡ các khó khăn, tăng tính chủ động cho doanh nghiệp, khơi thông nguồn lực và thúc đẩy đầu tư phát triển thời gian tới.

II. Những nét nổi bật trong hoạt động SXKD của Tập đoàn trong năm 2025

1. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025

- BCTC Tổng hợp năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2024	KH2025	TH2025	TH2025/ KH2025	TH2025/ TH2024
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.791.001	7.786.000	7.495.470	96%	156%
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	2.746.965	5.751.000	5.127.113	89%	187%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.044.035	2.035.000	2.368.358	116%	116%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.803.414	1.845.000	2.082.747	113%	115%



Trong năm 2025, Tập đoàn Becamex tập trung nguồn lực đầu tư vào hoạt động kinh doanh chủ lực là Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ thông minh - Giao thông - Nhà ở xã hội và Khoa học công nghệ. Đặc biệt, ở mảng giao thông, từ nay đến năm 2027, Tập đoàn sẽ đầu tư 04 công trình giao thông trọng điểm tại khu vực TP.HCM là dự án mở rộng Quốc lộ 13, Đường cao tốc TP.HCM-Thủ Dầu Một-Chơn Thành, Đường Vành đai 4 (đoạn qua Bình Dương cũ) và dự án nâng cấp đường Mỹ Phước - Tân Vạn với tổng mức đầu tư khoảng 65.000 tỷ đồng trong đó vốn đầu tư của doanh nghiệp là gần 35.000 tỷ đồng. Riêng năm 2025, Tập đoàn và các nhà đầu tư trong liên danh đã khởi công dự án Đường Cao tốc TPHCM – Thủ Dầu Một – Chơn Thành có tổng mức đầu tư 17.116 tỷ đồng vào đầu tháng 2/2025 và tiếp sau đó là dự án Đường Vành đai 4 (đoạn qua Bình Dương cũ) cũng được khởi công trong tháng 6/2025 với tổng mức đầu tư 21.702 tỷ đồng. Sau khi hoàn thành, các dự án này sẽ giúp gia tăng kết nối và giảm thời gian vận chuyển hàng hóa từ TP Đồng Nai, vùng Tây Nguyên đến TPHCM và các tỉnh miền Tây.

Với mục tiêu tạo nơi an cư bền vững cho người lao động, trong năm, Tập đoàn và các công ty trong hệ sinh thái đã khởi công xây dựng dự án Nhà ở xã hội (NOXH) Việt Sing 6 quy mô và dự án NOXH Định Hòa 5 cung cấp trên 4.000 căn hộ cho người lao động tại khu vực TP.HCM.

Ở mảng khu công nghiệp (KCN), trong tháng 5/2025, Tập đoàn đã động thổ đầu tư xây dựng hai dự án KCN theo mô hình KCN sinh thái thông minh thế hệ mới là KCN Bàu Bàng mở rộng giai đoạn 2 (quy mô 380ha) và KCN Cây Trường (quy mô 700ha). Đây là mô hình KCN tích hợp công nghệ số, năng lượng tái tạo và các giải pháp phát triển bền vững, hướng tới mô hình khu công nghiệp sinh thái, thông minh thế hệ mới, thân thiện môi trường và phát thải ròng bằng không. Quy hoạch 02 dự án KCN này gắn với mạng lưới giao thông chiến lược, nổi bật là tuyến Bắc Tân Uyên – Phú Giáo – Bàu Bàng (10 làn xe) đã đưa vào sử dụng từ năm 2024, đường Bàu Bàng – Mỹ Phước – Tân Vạn thuận lợi vận chuyển hàng hóa.

Không nằm ngoài xu thế phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, những năm qua Tập đoàn đã từng bước cụ thể hóa định hướng chiến lược thông qua các chương trình và thiết chế nền tảng trong lĩnh vực R&D, công nghệ cao và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Trong năm 2025, Tập đoàn phối hợp cùng TP.HCM và các sở, ban, ngành liên quan hoàn thiện Đề án Phát triển Đô thị khoa học công nghệ Bắc TP.HCM, trình đầu năm 2026 và đã được phê duyệt chính thức. Đề án khẳng định cam kết của Becamex trong việc đồng hành cùng Thành phố triển khai các chủ trương lớn của Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức và công nghệ.

Hệ sinh thái khoa học công nghệ của Đô thị khoa học công nghệ Bắc TP.HCM kế thừa nền tảng các dự án, công trình và mạng lưới hợp tác quốc tế đã được đầu tư và vận hành theo chuẩn mực quốc tế. Các đối tác tiêu biểu gồm A*STAR, ARTC, Fraunhofer ENAS, Singapore Polytechnic, NUS, NUS Enterprise, ITRI cùng các trường đại học và viện nghiên cứu trong nước như Đại học Quốc gia TP.HCM, Đại học Việt Đức, Đại học Quốc tế Miền



Đông. Mạng lưới này bảo đảm chiều sâu học thuật, năng lực nghiên cứu phát triển và khả năng kết nối toàn cầu.

Với vị trí chiến lược trong cấu trúc phát triển của TP.HCM và Vùng Đông Nam Bộ, Đô thị khoa học công nghệ Bắc TP.HCM được định hướng trở thành cực tăng trưởng mới dựa trên khoa học công nghệ, góp phần tái cấu trúc không gian đô thị theo mô hình đa cực, giảm áp lực khu vực trung tâm và nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn.

Hệ sinh thái được tổ chức quanh cụm công viên sinh thái và khoa học, tích hợp đào tạo, nghiên cứu, thử nghiệm, trình diễn và thương mại hóa công nghệ, tạo nền tảng phát triển bền vững và giá trị gia tăng cho cổ đông trong trung và dài hạn.

Năm 2025 với nhiều thách thức và cơ hội đan xen, Ban lãnh đạo và tập thể Tập đoàn Becamex đã phấn đấu đạt kết quả cao nhất ĐHCĐ đã giao. Cụ thể, theo BCTC tổng hợp kiểm toán năm 2025, tổng doanh thu năm 2025 đạt 7.495 tỷ đồng, hoàn thành 96% kế hoạch và tăng trưởng 56 % so với thực hiện năm 2024. Tổng chi phí thực hiện đạt 5.127 hoàn thành 89% kế hoạch và 187% so với thực hiện năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 2.082,7 tỷ đồng, hoàn thành 113% kế hoạch và tăng trưởng 15% so với thực hiện năm 2024.

Mảng BĐS dân cư là động lực tăng trưởng chính cho doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn. Cụ thể, Doanh thu BĐS dân cư năm 2025 chiếm 73% tổng cơ cấu doanh thu đạt 5.483 tỷ đồng tăng trưởng 89% nhờ tình hình thu hút đầu tư đạt kết quả tích cực tại Thành phố mới Bình Dương đến từ các dự án cao tầng, dự án nhà ở thấp tầng Green City. Do cơ cấu sản phẩm kinh doanh trong năm thay đổi nên tỷ suất lãi gộp của mảng BĐS dân cư giảm từ 78% năm 2024 xuống 61% năm 2025 nhưng vẫn ở mức cao.

Theo sau là doanh thu tài chính (chủ yếu cổ tức được chia từ đơn vị thành viên) chiếm 15% tổng cơ cấu doanh thu, đạt 1.110 tỷ đồng và tăng 10% so với năm trước. Với chiến lược thu hút đầu tư chọn lọc hơn chú trọng các lĩnh vực công nghệ cao và bền vững, tỷ trọng doanh thu cho thuê đất và dịch vụ KCN năm 2025 đạt 773 tỷ đồng đóng góp 10% trong cơ cấu doanh thu. Dự kiến doanh thu cho thuê đất KCN sẽ tăng trưởng mạnh từ năm 2026 với 02 dự án Bàu Bàng mở rộng (giai đoạn 2) và Cây Trường sẵn sàng cho thuê. Phần còn lại đến từ doanh thu các hoạt động khác (NOXH, BĐS đầu tư cho thuê).

Về chi phí, chi phí tài chính (chủ yếu lãi vay) năm 2025 là 1.396 tỷ đồng tăng 133,6% so với năm 2024 do không còn khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư. Nếu loại trừ tác động khoản dự phòng, chi phí tài chính năm nay không thay đổi nhiều so với thực hiện năm 2024. Chi phí tài chính chiếm 18,6% tổng doanh thu do tỷ trọng nợ vay vẫn chiếm phần lớn trong tổng nguồn vốn SXKD của Tập đoàn. Các chi phí quản lý và bán hàng nằm trong kế hoạch.



- BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2024	KH2025	TH2025	TH2025/ KH2025	TH2025/T H2024
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	7.410.195	9.500.000	9.819.012	103%	133%
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	4.830.870	6.800.000	6.076.273	89%	126%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.579.325	2.700.000	3.742.739	139%	145%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.401.192	2.470.000	3.525.385	143%	147%

Tình hình sản xuất kinh doanh các đơn vị trong hệ sinh thái Tập đoàn Becamex nhìn chung đạt nhiều kết quả khả quan. Ở mảng KCN, Tập đoàn và các công ty thành viên trong năm cho thuê 286 ha, tăng gần 7% mặc dù thông tin thuế quan không thuận lợi. Trong đó, VSIP JV (BCM sở hữu 49% Vốn điều lệ) ghi nhận Doanh thu thuần hợp nhất đạt 14.958 tỷ đồng và LNST hợp nhất 3.746 tỷ đồng đóng góp tích cực vào lợi nhuận liên doanh liên kết của Tập đoàn. Ở mảng viễn thông – giải pháp thông minh, CTCP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam (VNTT), đơn vị triển khai các dự án công nghệ, chuyển đổi số của Tập đoàn, ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận ròng tăng trưởng lần lượt 16% và 18%. Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và y tế đều kinh doanh có hiệu quả ổn định.

Trong điều kiện thị trường BĐS – xây dựng dân dụng phục hồi phân hóa, các đơn vị trong hệ sinh thái như CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC), CTCP Phát triển và Kinh doanh Bình Dương (TDC), CTCP Xây Dựng và Giao thông Bình Dương (BCE) ghi nhận kết quả vượt kế hoạch ĐHCĐ các công ty đề ra.

Với kết quả trên, Tổng doanh thu hợp nhất Tập đoàn kiểm toán năm 2025 đạt 9.819 tỷ đồng, hoàn thành 103 % kế hoạch và tăng 33% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 3.525 tỷ đồng đạt 143% kế hoạch ĐHCĐ giao và tăng 47% so với năm 2024.

2. Tình hình tài chính theo BCTC tổng hợp kiểm toán năm 2025

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Tập đoàn đạt 52.523 tỷ đồng, tăng 7% so với đầu năm, cho thấy quy mô hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục được mở rộng và củng cố. Cơ cấu tài sản duy trì ổn định và hợp lý, với tài sản ngắn hạn chiếm 61% và tài sản dài hạn chiếm 39% tổng tài sản, tương đồng với cơ cấu đầu năm. Mức tăng tổng tài sản chủ yếu đến từ việc Tập đoàn tăng cường đầu tư vào các công ty hiện hữu và triển khai các dự án đang phát triển, qua đó làm gia tăng giá trị hàng tồn kho, phản ánh chiến lược mở rộng danh mục đầu tư và tích lũy nguồn lực cho tăng trưởng trong giai đoạn tới.



Nợ phải trả cuối năm 2025 của Tập đoàn đạt 36.002 tỷ đồng, tăng 5 % so với đầu năm. Trong đó, dư nợ vay ngân hàng và trái phiếu là 23.916 tỷ đồng, tăng thêm 2.053 tỷ đồng so với đầu năm, chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động đầu tư dự án và tăng vốn tại các đơn vị thành viên. Dù quy mô huy động vốn tăng để phục vụ chiến lược phát triển, hệ số đòn bẩy tài chính (Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu) đã giảm từ 2,4 lần xuống 2,2 lần, cho thấy cơ cấu nguồn vốn của Tập đoàn đang được cải thiện theo hướng cân đối và bền vững hơn.

Về khả năng thanh toán, các chỉ tiêu thanh khoản của Tập đoàn vẫn duy trì ở mức phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh. Hệ số thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán nhanh lần lượt là 1,5 lần và 0,44 lần cho thấy Tập đoàn hoàn toàn có đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Vốn chủ sở hữu tại cuối năm đạt 16.521 tỷ đồng, tăng 1.968 tỷ đồng so với đầu năm, góp phần củng cố nền tảng tài chính và nâng cao năng lực tự chủ vốn. Đồng thời, hiệu quả sử dụng vốn tiếp tục ghi nhận xu hướng cải thiện, với ROE đạt 12,6% và ROA đạt 4%, tăng nhẹ so với mức 12,4% và 3,7% của cùng kỳ, cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn tiếp tục được duy trì tích cực.

Nhìn chung, quy mô tài sản của Tập đoàn tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu nguồn vốn được cải thiện và hiệu quả sinh lời duy trì xu hướng tích cực, tạo nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp triển khai các kế hoạch đầu tư, phát triển dự án và mở rộng hoạt động trong thời gian tới.

3. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

a. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ với các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%) (KH/TH)
1	Tổng doanh thu	7.495	8.250	110
2	Tổng chi phí	5.127	5.600	109
3	Lợi nhuận trước thuế	2.368	2.650	112
4	Lợi nhuận sau thuế	2.083	2.290	110

b. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất với các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%) (KH/TH)
1	Tổng doanh thu	9.819	10.230	104
2	Tổng chi phí	6.076	6.100	100
3	Lợi nhuận trước thuế	3.743	4.130	110
4	Lợi nhuận sau thuế	3.525	3.883	110



Trên đây là báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét và thông qua.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàn Vũ





CÁC TỜ TRÌNH TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Số: 01/2026/TTr-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán, Báo cáo của Hội đồng quản trị và từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban kiểm soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn Luật;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

Hội đồng quản trị Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán bao gồm báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động 2025; định hướng và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 và Báo cáo hoạt động của từng thành viên độc lập HĐQT.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát.

(Các báo cáo được đính kèm theo tài liệu Đại hội)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 02/2026/TTr-HDQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP

– Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn Luật;

– Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

– Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 với một số nội dung chính như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2025.a. Kết quả kinh doanh công ty mẹ:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (Tỷ đồng)	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (TH/KH)
1	Tổng doanh thu	7.786	7.495	96%
2	Tổng chi phí	5.751	5.127	89%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.035	2.368	116%
4	Lợi nhuận sau thuế	1.845	2.083	113%

b. Kết quả kinh doanh hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (Tỷ đồng)	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (TH/KH)
1	Tổng doanh thu	9.500	9.819	103%
2	Tổng chi phí	6.800	6.076	89%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.700	3.743	139%
4	Lợi nhuận sau thuế	2.470	3.525	143%



2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

a. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ với các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (KH/TH)
1	Tổng doanh thu	7.495	8.250	110%
2	Tổng chi phí	5.127	5.600	109%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.368	2.650	112%
4	Lợi nhuận sau thuế	2.083	2.290	110%

b. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất với các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (KH/TH)
1	Tổng doanh thu	9.819	10.230	104%
2	Tổng chi phí	6.076	6.100	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.743	4.130	110%
4	Lợi nhuận sau thuế	3.525	3.883	110%

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 03/2026/TTr-HDQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH(V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025,
kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026)**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên**
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn Luật;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP;

- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 với một số nội dung chính như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:**Đvt: VNĐ**

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN 2025
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.845.000.000.000	2.082.746.904.016
2	Trích quỹ đầu tư phát triển (30%LNST)	553.500.000.000	624.824.071.205
3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	136.146.000.000	117.087.269.000
4	Trích thưởng HDQT, BKS và BDH	2.211.650.000	2.631.423.000
5	Lợi nhuận còn lại sau trích lập quỹ	1.153.142.350.000	1.338.204.140.811
6	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	56.541.879.332	117.264.050.471
7	Vốn điều lệ	11.488.500.000.000	10.350.000.000.000
8	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	10%	14%
9	Cổ tức	1.148.850.000.000	1.449.000.000.000
10	LN còn lại chuyển sang năm sau	60.834.229.332	6.468.191.282



2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.

Đvt: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2025	KẾ HOẠCH 2026
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	2.082.746.904.016	2.290.000.000.000
2	<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>624.824.071.205 (30%LNST)</i>	<i>916.000.000.000 (40%LNST)</i>
3	<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>117.087.269.000</i>	<i>127.613.000.000</i>
4	<i>Trích thưởng HĐQT, BKS và BDH</i>	<i>2.631.423.000</i>	<i>3.444.000.000</i>
5	Lợi nhuận còn lại sau trích lập quỹ	1.338.204.140.811	1.242.943.000.000
6	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	117.264.050.471	6.468.191.282
7	Vốn điều lệ	10.350.000.000.000	11.799.000.000.000
8	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	14%	10%
9	Cổ tức	1.449.000.000.000	1.179.900.000.000
10	LN còn lại chuyển sang năm sau	6.468.191.282	69.511.191.282

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 04/2026/TTr-HDQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v chi trả cổ tức năm 2025

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP (Tập đoàn Becamex/Tập đoàn);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Becamex kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức năm 2025 cụ thể như sau:

- I. Tỷ lệ chi trả: 14%**
- II. Thời gian chi trả: trong năm 2026.**
- III. Hình thức chi trả: cổ phiếu/bằng tiền.**

Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 theo phương án chi tiết nêu tại mục IV của Tờ trình.

Trường hợp Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 không thực hiện được, Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành thủ tục chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền.

- IV. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025**



Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP
Mã chứng khoán:	BCM
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/ cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	1.035.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	144.900.000 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá:	1.449.000.000.000 đồng
Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành:	1.179.900.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu sau khi phát hành dự kiến tính theo mệnh giá	11.799.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:	1.449.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành	11.799.000.000.000 đồng
Hình thức phát hành	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025
Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):	14% tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành
Tỷ lệ thực hiện quyền:	100:14. Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 100 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận 14 cổ phiếu mới
Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu
Thời gian dự kiến phát hành	Dự kiến trong năm 2026. ĐHĐCĐ ủy quyền/giao quyền cho HĐQT quyết định thời điểm thích hợp để thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo



	bằng văn bản về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
Nguồn vốn phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tính đến ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán
Chuyển nhượng quyền	Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng
Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng
Phương án làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh dưới 01 (một) đơn vị sẽ được hủy bỏ, không được phát hành. <i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 185 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:14, cổ đông A được nhận $(185/100)*14 = 25,9$ cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 25 cổ phiếu mới. Số phần thập phân là 0,9 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ</i>
Mục đích	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả vấn đề liên quan đến đợt phát hành, bao gồm nhưng không giới hạn việc:	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn đơn vị tư vấn; - Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai phương án phát hành, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu của Tập đoàn được thực hiện và hoàn tất theo đúng quy định. Đồng thời, quyết định điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. - Quyết định thời điểm thích hợp để thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025. - Quyết định phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật (nếu có).



	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi các quy định liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. - Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi Vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo kết quả thực tế của đợt phát hành theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. - Thực hiện các thủ tục, công việc và quyết định thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Theo đó, toàn bộ số cổ phiếu mới phát hành sẽ được đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung theo các quy định pháp luật hiện hành. - Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được thành công. - Quyết định tất cả các vấn đề, thực hiện tất cả thủ tục và các công việc cần thiết khác để triển khai thành công phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025. - Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Người đại diện theo pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.
--	---

Trân trọng kính trình./.

- Nơi nhận:**
- Như trên;
 - Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 05/2026/TTr-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Báo cáo kết quả thực hiện phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn Luật;
- Căn cứ Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- Căn cứ Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

Hội đồng quản trị Tập đoàn đã tổ chức triển khai phương án phát hành phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan với kết quả thực hiện tính đến ngày 31/12/2025 như sau:

STT	NQ HĐQT	Kế hoạch (tỷ đồng)	Kết quả thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành
1	Số 44/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025	2.500	2.500	100%
2	Số 69/NQ-HĐQT ngày 15/10/2025	2.000	2.000	100%

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 44/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025 về việc phê duyệt phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ các đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ năm 2025 với tổng mệnh giá tối đa là 2.500 tỷ đồng. Trái phiếu đã được phát hành thành công đến ngày 29/08/2025 là 2.500 tỷ đồng.



- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 69/NQ-HĐQT ngày 15/10/2025 về việc phê duyệt phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ các đợt chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ lần 2 năm 2025 với tổng mệnh giá tối đa là 2.000 tỷ đồng. Trái phiếu đã được phát hành thành công đến ngày 18/12/2025 là 2.000 tỷ đồng.

Các nội dung liên quan khác được công bố chi tiết tại thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2025.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 06/2026/TTr-HĐQT*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026***TỜ TRÌNH**

V/v Chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị năm 2025
và kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký
năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn Luật;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

Hội đồng quản trị Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP báo cáo ĐHCĐ về việc chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm và thư ký năm 2026 cụ thể như sau:

1. Trong năm 2025: Thù lao chi trả cho các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách với số tiền là: 530.000.000 đồng.
2. Kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký năm 2026 với số tiền là: 832.200.000 đồng.

Trân trọng kính trình./.

- Nơi nhận:**
- Như trên;
 - Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN HÙNG



TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, cập nhật ngành nghề kinh doanh

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn Luật;
- Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

Thực hiện theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, Hội đồng Quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, cập nhật ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Nội dung trước khi thay đổi	Nội dung sau khi thay đổi	Ghi chú
3. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - 6820 <i>(trừ dịch vụ đấu giá tài sản).</i> Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản.	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản-6821 <i>(trừ dịch vụ đấu giá tài sản).</i> Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản. Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng - 6829	Quyết định 36/2025/QĐ-TTg không còn quy định về mã ngành 6820
5. Sản xuất điện - 3511 <i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i>	5. Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo - 3512 <i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i>	Quyết định 36/2025/QĐ-TTg chia hai mã ngành khác nhau: - Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo - 3511



Nội dung trước khi thay đổi	Nội dung sau khi thay đổi	Ghi chú
Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo.	Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo.	- Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo - 3512
<p>6. Truyền tải và phân phối điện-3512</p> <p><i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i></p> <p>Chi tiết:</p> <p>Truyền tải và phân phối điện, điện năng và điện năng lượng mặt trời đến cấp điện áp 110 kV.</p> <p>Đầu tư phát triển lưới điện, phân phối bán lẻ điện, quản lý vận hành và sửa chữa lưới điện đến cấp điện áp 110 kV.</p> <p>Kinh doanh mua, bán năng lượng điện mặt trời áp mái, trên mặt đất và nổi trên mặt nước đến cấp điện áp 110 kV.</p>	<p>6. Truyền tải và phân phối điện – 3513</p> <p><i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i></p> <p>Chi tiết:</p> <p>Truyền tải và phân phối điện, điện năng và điện năng lượng mặt trời đến cấp điện áp 110 kV.</p> <p>Đầu tư phát triển lưới điện, phân phối bán lẻ điện, quản lý vận hành và sửa chữa lưới điện đến cấp điện áp 110 kV.</p> <p>Kinh doanh mua, bán năng lượng điện mặt trời áp mái, trên mặt đất và nổi trên mặt nước đến cấp điện áp 110 kV.</p>	<p>Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg</p> <p>Thay đổi mã ngành</p>
<p>19. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng-4663</p> <p><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu</i></p>	<p>19. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng-4673</p> <p><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu</i></p>	<p>Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg</p> <p>Thay đổi mã ngành</p>



Nội dung trước khi thay đổi	Nội dung sau khi thay đổi	Ghi chú
<p><i>đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i></p> <p>Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng.</p>	<p><i>đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i></p> <p>Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng.</p>	
<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan-7110</p> <p>....</p>	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan-7110</p> <p>.....</p> <p>Tư vấn và lập quy hoạch đô thị (quy hoạch chung, phân khu, chi tiết 1/500), lập quy hoạch nông thôn, lập quy hoạch xây dựng vùng.</p>	<p>Bổ sung thêm chi tiết vào mã ngành 7110</p>
<p>25. Sản xuất linh kiện điện tử-2610</p> <p>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp hàng điện tử.</p>	<p>25. Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời và bộ biến tần quang điện - 2611</p> <p>25a. Sản xuất linh kiện điện tử khác – 2619</p> <p>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp hàng điện tử.</p>	<p>Quyết định 36/2025/QĐ-TTg không còn quy định về mã ngành 2610</p>
<p>31. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu-4669</p> <p><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i></p>	<p>31. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu- 4679</p> <p><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i></p> <p>Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng</p>	<p>Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg</p> <p>Thay đổi mã ngành</p>



Nội dung trước khi thay đổi	Nội dung sau khi thay đổi	Ghi chú
Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng		
37. Dịch vụ hỗ trợ giáo dục - 8560 Chi tiết: Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.	37. Hoạt động dịch vụ trung gian cho các khóa học và gia sư - 8561 37a. Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác – 8569 Chi tiết: Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.	Quyết định 36/2025/QĐ-TTg không còn quy định về mã ngành 8560
46. Sửa chữa máy móc, thiết bị- 3312 Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị chuyên ngành đường sắt đô thị.	46. Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị- 3312 Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị chuyên ngành đường sắt đô thị.	Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
(Tập đoàn không thực hiện các hoạt động kinh doanh thuộc danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại mục A Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021)	(Tập đoàn không thực hiện các hoạt động kinh doanh thuộc danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại mục A Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm)	

Thông qua sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ tương ứng với ngành, nghề kinh doanh sau khi thay đổi nêu trên.

Giao cho Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn có trách nhiệm thực hiện thủ tục cần thiết để thông báo thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Tập đoàn theo quy định hiện hành.

Trong phạm vi ngành nghề đã được ĐHĐCĐ thông qua và các quy định pháp luật hiện hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tập đoàn có toàn quyền quyết định mọi



vấn đề liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh chi tiết theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Trân trọng kính trình./.

- Nơi nhận:**
- Như trên;
 - Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN VĂN HÙNG



TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP (Tập đoàn Becamex/Tập đoàn);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

Nhằm đáp ứng yêu cầu sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế nội bộ phù hợp với những quy định pháp luật mới và phù hợp yêu cầu tổ chức và hoạt động của Tập đoàn, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các nội dung sau:

Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT/Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn thực hiện ký ban hành bản Điều lệ và các Quy chế của Tập đoàn, Trưởng Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua theo đúng quy định. Toàn văn điều lệ, quy chế sau khi sửa đổi đính kèm tài liệu.



Bản Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Trân trọng.

- Nơi nhận:**
- Như trên;
 - Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 01/2026/TTr-BKS*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026***TỜ TRÌNH**

V/v Thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập năm 2026

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

Ban kiểm soát Tập đoàn kính trình Đại hội đồng cổ đông các tiêu chí lựa chọn và danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán trong năm 2026 với những nội dung chính như sau:

Tiêu chí lựa chọn:

- Hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, công ty đại chúng;
- Có kinh nghiệm kiểm toán lâu năm đối với công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực bất động sản tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có kỹ năng và giàu kinh nghiệm;
- Đáp ứng được các yêu cầu về phạm vi, tiến độ kiểm toán của Tập đoàn;
- Mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

Danh sách các công ty kiểm toán độc lập đề xuất lựa chọn:

Căn cứ các tiêu chí trên, Ban kiểm soát Tập đoàn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập sẽ được lựa chọn để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm và phê duyệt danh sách công ty



kiểm toán hoạt động (nếu cần) của Tập đoàn trong năm 2026 và giao quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC Việt Nam;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

HỒ HỒNG THẠCH





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC I. BẢNG TÓM TẮT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP
(BECAMEX GROUP)**



Điều khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH <i>(Những nội dung không được đề cập ở cột này là nội dung cần giữ nguyên như trong Điều lệ hiện hành)</i>	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	GIẢI TRÌNH LÝ DO VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ
Điều 1	<p>Điểm b khoản 1:</p> <p>b) Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Sửa đổi điểm b khoản 1 như sau:</p> <p>b) <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 33 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “33. <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là phần vốn góp hoặc cổ phần....</p>
	<p>Điểm c khoản 1:</p> <p>Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020</p>	<p>Sửa đổi điểm c khoản 1 như sau:</p> <p>Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.</p>	<p>Diễn đạt ngắn gọn và sẽ bao quát được các luật sửa đổi, bổ sung trong tương lai nếu có.</p>
	<p>Điểm d khoản 1:</p> <p>Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa</p>	<p>Sửa đổi điểm d khoản 1 như sau::</p> <p>Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng</p>	<p>Diễn đạt ngắn gọn và sẽ bao quát được các luật sửa đổi, bổ sung trong tương lai nếu có.</p>



	Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019	11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.	
	<p>Điểm h khoản 1:</p> <p>Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Tập đoàn, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.</p>	<p>Sửa đổi điểm h khoản 1 như sau::</p> <p>Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Tập đoàn, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc.</p>	<p>Điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 quy định: “Điều 52. Những người không được làm kế toán</p> <p>4. Người đang là người quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người mua, bán tài sản trong cùng một đơn vị kế toán, trừ trong doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp khác do Chính phủ quy định.”. Do vậy cần bỏ chức danh Kế toán trưởng ra khỏi phạm trù “Người quản lý doanh nghiệp” nhằm tuân thủ quy định của Luật Kế toán.</p>
	Bổ sung mới	“Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của	Cần có thêm định nghĩa này vì trong Điều lệ thường hay có sử dụng từ “Pháp luật”.



	Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.	
Bổ sung mới	“Công ty con” là bất kỳ công ty nào mà Tập đoàn sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông; hoặc có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; hoặc có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.	Vì trong Điều lệ có nhiều lần đề cập đến cụm từ “Công ty con” nên cần có định nghĩa để cổ đông, người khác dễ theo dõi. Định nghĩa này căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
Bổ sung mới	“Người được ủy quyền dự họp” là người được cổ đông ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Định nghĩa này nên đưa vào Điều lệ nhằm để xác định người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo điểm a, khoản 1 Điều 115 và Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
Bổ sung mới	“Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam	Định nghĩa này nên đưa vào Điều lệ nhằm để xác định phạm vi lãnh thổ/địa bàn kinh doanh của Tập đoàn.



Bổ sung mới	“Quy chế nội bộ về quản trị công ty” là quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và do Hội đồng quản trị ban hành, quy định về quản trị, điều hành Tập đoàn phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm.	Định nghĩa này nhằm thuận lợi hơn khi trong Điều lệ có dẫn chiếu đến quy chế nội bộ.
Bổ sung mới	“Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn và các sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại từng thời điểm.	Định nghĩa này nhằm thuận lợi hơn khi trong Điều lệ có dẫn chiếu đến khái niệm “Điều lệ”.
Bổ sung mới	“Hội đồng quản trị” hoặc “HDQT” là cơ quan quản lý của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Định nghĩa này nhằm thuận lợi hơn khi trong Điều lệ có dẫn chiếu đến khái niệm “Hội đồng quản trị” hoặc “HDQT” căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 153 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
Bổ sung mới	“Ban kiểm soát” hoặc “BKS” là cơ quan thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của Tập đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Định nghĩa này nhằm thuận lợi hơn khi trong Điều lệ có dẫn chiếu đến khái niệm “Ban kiểm soát” hoặc “BKS” căn cứ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.



	Bổ sung mới	<p><i>“Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn” là cá nhân được Tập đoàn ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Tập đoàn đối với phần vốn của Tập đoàn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.</i>”</p>	
	Bổ sung mới	<p>4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều lệ này.</p>	<p>Bổ sung khoản 4 này nhằm thống nhất các thuật ngữ trong pháp luật và trong Điều lệ.</p>



Điều 2	<p><i>Khoản 3 Điều 2:</i></p> <p>3. Tập đoàn có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu....</p>	<p>Sửa đổi khoản 3 Điều 2 như sau:</p> <p>3. Tập đoàn có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu ...</p>	<p>Bổ sung thêm đơn vị trực thuộc là “địa điểm kinh doanh” (Khoản 3 Điều 44 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)</p>
---------------	--	---	---



<p>Điều 3</p>	<p><i>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn</i></p> <p>Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn là cá nhân đại diện cho Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tập đoàn, đại diện cho Tập đoàn với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Tập đoàn khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.</p> <p>Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trở lại làm việc, hoặc cho</p>	<p><i>Sửa đổi Điều 3 như sau:</i></p> <p><i>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn</i></p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn là cá nhân đại diện cho Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tập đoàn, đại diện cho Tập đoàn với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.</p> <p>4. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn phải cư trú ở Việt Nam. Trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản này mà người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn chưa trở lại Việt</p>	<p>Sửa đổi và bổ sung này nhằm diễn đạt rõ hơn về chức danh và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Đồng thời tái cấu trúc thành từng khoản độc lập để dễ theo dõi và dẫn chiếu khi cần thiết.</p>
----------------------	--	--	---



<p>đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.</p> <p>Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.</p> <p>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Ngoài việc chịu trách nhiệm theo quy định của Pháp luật, thì người đại diện theo pháp luật có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 29 của Điều lệ này; + Đối với Tổng giám đốc thực hiện theo Khoản 4, Điều 35 của Điều lệ này. 	<p>Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trở lại làm việc tại Tập đoàn hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn.</p> <p>5. Ngoài các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ, thì người đại diện theo pháp luật có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 29 của Điều lệ này; - Đối với Tổng giám đốc thực hiện theo khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này. 	
--	--	--



<p>Điều 5</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tập đoàn</p> <p>1. Tập đoàn được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tập đoàn đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tập đoàn.</p> <p>2. Tập đoàn có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tập đoàn</p> <p>1. Tập đoàn được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề của Tập đoàn đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và quy định trong Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tập đoàn.</p> <p>2. Tập đoàn có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm.</p> <p>3. Trường hợp Tập đoàn kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tập đoàn phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật chuyên ngành có liên quan.</p>	<p>- Sửa đổi này nhằm mở rộng quyền tự do kinh doanh của Tập đoàn. Điều 7 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “<i>Quyền của doanh nghiệp: 1. Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.</i>” Điều 5 Luật đầu tư số 143/2025/QH15: “1. Nhà đầu tư có quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà Luật này không cấm”.</p> <p>- Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP sử dụng thuật ngữ “Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”.</p>
<p>Điều 10</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p>	<p>Sửa đổi lại tên tiêu đề của Điều 10 như sau: “Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)”</p>	<p>Nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 10 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>



<p>Điều 12</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>- Chuyển khoản 4 hiện tại thành khoản 5</p>	<p>- Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 để làm rõ quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông của cổ đông lớn, đảm bảo đúng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.)</p> <p>- Sửa số thứ tự khoản 4 thành khoản 5.</p>
-----------------------	--	--	--



<p>Điều 14</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng</p>	<p>- Sửa đổi khoản 4 Điều 14 như sau:</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>b) Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;</p> <p>c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>- Tái cấu trúc lại khoản 4 cho logic về mặt diễn đạt và phù hợp hơn với quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p> <p>- Bổ sung mới khoản 5 để phù hợp với quy định tại:</p> <p>+ Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p> <p>+ Điểm b, khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14</p>
-----------------------	---	---	--



	<p>cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tập đoàn triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tập đoàn hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>d) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Tập đoàn triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tập đoàn hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>đ) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Bổ sung mới khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:</p> <p>“5. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cuộc họp</p>	
--	--	---	--



	<p>không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến.”</p>	
Điều 15	<p><i>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</i></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 cho phù hợp với khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
Điều 16	<p><i>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</i></p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức</p>	<p>Sửa đổi khoản 1 như sau:</p> <p>“1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông là tổ chức chỉ được ủy</p>	<p>Điểm b khoản 2 Điều 14 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p>



	<p>khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo quy định cụ thể sau:</p> <p>a) Đối với cổ đông là các nhân chỉ được ủy quyền cho 1 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp;</p> <p>b) Đối với cổ đông là tổ chức nắm giữ dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 1 cá nhân hoặc tổ chức khác, từ 10% đến dưới 50 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 3 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp; tổ chức nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 5 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp.</p>	<p>quyền cho tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
--	--	--	--



<p>Điều 21</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>2...</p> <p>Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.</p>	<p>- Thêm mới khoản 3 Điều 21 như sau:</p> <p>3. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo khoản 2 Điều 21 Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp áp dụng phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm</p>	<p>- Tách việc bầu thành viên HĐQT và BKS thành khoản 3 độc lập và chia thành hai phương thức bầu và cách xác định người trúng cử khác nhau cho rõ ràng hơn.</p> <p>- Cơ sở pháp lý: Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, Điều 21 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>
-----------------------	--	--	---



		<p>soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tập đoàn.</p> <p>- Chuyển khoản 3 thành khoản 4.</p>	
--	--	--	--



<p>Điều 26</p>	<p><i>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</p>	<p>* Sửa khoản 3 Điều 26 như sau:</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Tập đoàn phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; - Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; - Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên." <p>Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>* Bổ sung mới khoản 7:</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi khoản 3 nhằm phù hợp với quy định mới tại khoản 79 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. - Bổ sung mới khoản 7 nhằm phù hợp với quy định mới tại khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
-----------------------	---	--	--



<p>Điều 27</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>- Bổ sung điểm y và z vào sau điểm x khoản 2 như sau:</p> <p>y) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Tập đoàn và người quản lý khác của Tập đoàn".</p> <p>z) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.</p>	<p>- Sửa điểm j) khoản 2 như sau:</p> <p>j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>- Bổ sung điểm y và z vào sau điểm x khoản 2 như sau:</p> <p>y) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Tập đoàn và người quản lý khác của Tập đoàn".</p> <p>z) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.</p>	<p>- Sửa điểm j) khoản 2 nhằm đảm bảo đúng quy định tại Điều 14, điểm i, khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p> <p>- Bổ sung điểm y và z vào khoản 2 nhằm đảm bảo phù hợp với quy định mới tại khoản 81 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 8, khoản 9 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
-----------------------	--	--	---



<p>Điều 30.</p>	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp.</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p>- Sửa điểm b khoản 11 như sau:</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp.</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.</p> <p>- Bổ sung khoản 17 như sau:</p> <p>17. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần), có các nội dung chính quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp của Hội</p>	<p>- Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Khoản 4 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chỉ quy định thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó, chứ không có quy định thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết</p>
------------------------	---	--	---



	<p>đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp; chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và pháp luật có liên quan. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.</p>	<p>- Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p>
--	---	--



<p>Điều 35.</p>	<p><i>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc</i></p>	<p>Bổ sung thêm khoản 6 vào Điều 35 như sau: “6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, hợp đồng lao động ký với Tập đoàn và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tập đoàn thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tập đoàn.”</p>	<p>Bổ sung thêm khoản 6 này nhằm làm rõ hơn trách nhiệm của Tổng giám đốc khi điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo tinh thần quy định tại khoản 4 Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p>
------------------------	---	---	--



<p>Điều 37</p>	<p>Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.</p>	<p><i>* Sửa đổi tiêu đề Điều 37 như sau: “Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)”</i></p> <p><i>* Sửa khoản 1 và khoản 2 Điều 37 như sau:</i></p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Sửa đổi tiêu đề Điều 37 để phù hợp với khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 36 mẫu Điều lệ công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p> <p>- Sửa khoản 1 và khoản 2 Điều 37 để phù hợp với quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị (HĐQT) như quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Tập đoàn vì Ban kiểm soát (BKS) và HĐQT đều do Đại hội đồng cổ đông bầu ra nên việc đề cử cần thống nhất.</p>
-----------------------	--	--	--



<p>Điều 43</p>	<p>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>6. Giao dịch giữa Tập đoàn với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này <i>không bị vô hiệu</i> trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị <i>lớn hơn 35%</i> hoặc giao dịch dẫn đến</p>	<p>* Bỏ khoản 6</p> <p>* Bổ sung mới từ khoản 6 đến khoản 10 vào sau khoản 5 Điều 43 như sau (sau khi đã bỏ khoản 6):</p> <p>6. Tập đoàn không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.</p> <p>7. Tập đoàn không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Tập đoàn trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p> <p>8. Tập đoàn không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp:</p> <p>a) Tập đoàn và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội</p>	<p>- Bỏ khoản 6 vì chỉ có pháp luật (Bộ luật dân sự, Luật Doanh nghiệp...) mới có thể quy định hợp đồng, giao dịch nào là vô hiệu hoặc không vô hiệu (có hiệu lực). Còn Điều lệ Tập đoàn chỉ là văn bản nội bộ của Tập đoàn (một pháp nhân thương mại) nên không có thẩm quyền quy định hợp đồng, giao dịch nào là vô hiệu hay không bị vô hiệu.</p> <p>- Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP bổ sung một số khoản của Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Khoản 83 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
-----------------------	--	---	---



	<p>giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tập đoàn vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>d) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tập đoàn và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của</p>	<p>đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn; đồng thời tổ chức là người có liên quan không phải là cổ đông của Tập đoàn theo quy định tại khoản 7 Điều này.</p> <p>b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>9. Tập đoàn chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của Tập đoàn quy định tại khoản 7 Điều này) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn.</p>	
--	--	---	--



	<p>cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	<p>b) Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn giữa Tập đoàn với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; <p>c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tập đoàn và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm</p>	
--	--	--	--



	<p>(51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>10. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản 8 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn.</p> <p>* Bổ sung mới khoản 11 vào sau khoản 10 như sau:</p> <p>11. Tổng giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tập đoàn và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tập đoàn và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p>	
--	---	--



<p>Điều 55.</p>	<p>Điều 55. Giải thể Tập đoàn</p> <p>1. Tập đoàn có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Tập đoàn mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p><i>Sửa đổi khoản 1 Điều 55 như sau:</i></p> <p>1. Tập đoàn bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Tập đoàn mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>b) Theo nghị quyết, quyết định của của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Tập đoàn không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;</p> <p>d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.</p>	<p>Điều 207 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 59 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
------------------------	---	---	--



<p>Điều 56.</p>	<p>Điều 56. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p>	<p>Bỏ Điều 56</p>	<p>Bỏ Điều 56 do thời gian hoạt động của tập đoàn là vô thời hạn theo khoản 4 Điều 2 Điều lệ Tập đoàn.</p>
<p>Điều 58</p>	<p>Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p>	<p>Sửa đổi khoản Điều 58 như sau:</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền. Trường hợp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, địa điểm giải quyết tranh chấp được tiến hành tại Thành phố Hồ Chí Minh</p>	<p>Điều 11 Luật Trọng tài thương mại 2010 số 54/2010/QH12.</p>



<p>Điều 60.</p>	<p>Điều 60. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 60 điều được ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ (YKVB) ngày 30 tháng 09 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tập đoàn.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tập đoàn có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>Sửa đổi Điều 60 như sau:</i></p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn nhất trí thông qua theo Nghị quyết số ngày ... tháng ... năm 2026. Theo đó, Điều lệ này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026 và thay thế toàn bộ các bản Điều lệ của Tập đoàn đã được ban hành trước ngày bản Điều lệ này có hiệu lực.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tập đoàn.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tập đoàn có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa lại cho phù hợp Điều 64 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)</p>
------------------------	---	--	---



PHỤ LỤC II BẢNG TÓM TẮT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY –
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Điều khoản	QUY CHẾ HIỆN HÀNH <i>(Những nội dung không được đề cập ở cột này là nội dung cần giữ nguyên như trong Quy chế hiện hành)</i>	QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GIẢI TRÌNH LÝ DO VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ
CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG			
Điều 2	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</p> <p>“Đại biểu” là Cổ đông, đại diện ủy quyền (người được ủy quyền).</p> <p>Tổng Công ty: là Tổng Tổng Công ty Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP</p> <p>Ứng cử: là tự đề cử</p> <p>VSD: là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam</p>	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</p> <p>“Đại biểu” là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).</p> <p>“Tập đoàn” Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP (Becamex Group)</p> <p>“Ứng cử” là việc cổ đông tự đề cử.</p> <p>“VSDC” là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>“Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm</p>	<p>Điều chỉnh một số thuật ngữ cho phù hợp và bổ sung một số thuật ngữ mới để thuận lợi khi diễn đạt và dẫn chiếu trong các điều khoản của Quy chế này.</p>



		<p>2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.</p> <p>“Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.</p> <p>“Nghị định số 155/2020/NĐ-CP” là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.</p> <p>“Điều lệ” là Điều lệ của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP</p> <p>“BTC” là Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Điều 3</p>	<p>Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điều 1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. <i>Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên..</i></p> <p>2. <i>Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:</i></p> <p>a. ..</p> <p>b. ...</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tổng Công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tổng Công ty có quyền yêu cầu đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. <i>Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên..</i></p> <p>2. <i>Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:</i></p> <p>a. ..</p> <p>b. ..</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tập đoàn thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tập đoàn có quyền đại diện Tập đoàn triệu tập họp Đại</p>	<p>Điều chỉnh lại thuật ngữ Tổng công ty thành Tập đoàn và điều chỉnh cho phù hợp, thống nhất với Điều 14 dự thảo Điều lệ sửa đổi.</p>



	..	<p>hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>...</p>	
Điều 11	Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	Bỏ khoản 15 vì trùng nội dung với khoản 16.	Theo khoản 31 Điều 4. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thì “Tổ chức lại doanh nghiệp” là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
Điều 12	Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	<p>Bổ sung thêm quy định về “Thẻ biểu quyết”:</p> <p>“Thẻ biểu quyết” là phương tiện Tập đoàn phát hành cho cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp pháp tham dự họp để thực hiện quyền biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Thẻ biểu quyết thể hiện thông tin nhận diện người có quyền biểu quyết, số lượng cổ phần hoặc tỷ lệ quyền biểu quyết được đại diện, nội dung biểu quyết và các phương án biểu quyết, là căn cứ pháp lý để xác định ý chí biểu quyết, phục vụ công tác kiểm phiếu, xác định tỷ lệ thông qua nghị quyết và lưu trữ hồ sơ theo quy định của Tập đoàn và pháp luật có liên quan, và có thể được phát hành dưới hình thức điện tử phù hợp với điều kiện tổ chức họp và quy định nội bộ của Tập đoàn.</p>	Bổ sung thêm Thẻ biểu quyết vì Quy chế có đề cập đến nhưng không có giải thích rõ.



<p>Điều 13</p>	<p>Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết</p> <p>2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết</p> <p>a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. ...</p>	<p>- Sửa đổi khoản 2 như sau:</p> <p>2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết</p> <p>a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. <i>Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như không biểu quyết. ...</i></p>	<p>Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như không biểu quyết, tức là cổ đông này có tham dự nhưng từ bỏ quyền biểu quyết chứ không thể xem là biểu quyết tán thành vấn đề đó, sự im lặng (không biểu quyết hoặc từ bỏ quyền biểu quyết) là quyền của cổ đông.</p>
<p>Điều 15</p>	<p>Điều 15. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp phiếu thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.</p> <p>Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.</p>	<p>Sửa đổi Điều 15 như sau: “Điều 15. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp phiếu thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.”</p>	<p>Bỏ đoạn: “Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.” vì đây là quy định cũ trong Thông tư 121/2012/TT-BTC quy định về quản trị công ty áp dụng cho</p>



			công ty đại chúng đã hết hiệu lực.
Điều 16	<p>Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>...</p> <p>2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>...</p>	<p>Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 như sau:</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>...</p> <p>2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>...</p>	<p>Điều chỉnh này (thêm cụm từ “<i>và biểu quyết</i>”) để phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.)</p>
Điều 22	<p>Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa khoản 7 như sau:</p> <p>“7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều chỉnh khoản 7 cho phù hợp với thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p>



<p>Điều 26</p>	<p>Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến 2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến: .. Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau: - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.</p>	<p>- Sửa đổi khoản 2 như sau: 2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến: ... Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau: - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến do Tập đoàn ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.</p>	<p>Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: “Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.” Do vậy, Tập đoàn không được bắt buộc cổ đông phải ủy quyền theo mẫu do Tập đoàn ban hành, dù là ủy quyền dự họp trực tuyến.</p>
<p>Điều 45</p>	<p>Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT 8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Tổng Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty ;</p>	<p>Sửa khoản 8 Điều 45 như sau: 8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Tập đoàn và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Tập đoàn và người quản lý khác của Tập đoàn;</p>	<p>Khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 245/2025/NĐ-CP”).</p>



<p>Điều 46</p>	<p>Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và các nghĩa vụ sau:</p> <p>c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Tổng Công ty con, Tổng Công ty liên kết và các tổ chức khác;</p> <p>d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng Công ty, Tổng Công ty con, Tổng Công ty do Tổng Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với Tổng Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>f) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Sửa đổi điểm c, d và f khoản 2 như sau:</p> <p>c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</p> <p>d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>f. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tập đoàn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa đổi điểm c, d và f khoản 2 để phù hợp với Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và khoản 8 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.</p>
<p>Điều 47</p>	<p>Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT</p>	<p>Sửa đổi khoản 3 và bổ sung thêm các khoản 4,5,6 như sau:</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <i>không điều hành</i> của Tập đoàn phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; - Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; 	<p>Sửa đổi khoản 3 và bổ sung thêm các khoản 4,5,6 cho phù hợp với các khoản tương ứng của Điều 26 Dự thảo Điều lệ sửa đổi và Điều 160 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p>



		<p>- Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên." Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. <p>Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. b) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; 	
--	--	--	--



		<p>5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn.</p>	
Điều 48	<p>Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của 01 Tổng Công ty đại chúng.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị của một Tổng Công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Tổng Công ty khác.</p>	<p>Sửa đổi Điều 48 như sau:</p> <p>Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Tập đoàn.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</p>	<p>- Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 cho phù hợp với Điều 155, 156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p> <p>- Sửa đổi khoản 3 cho phù hợp với khoản 7 Điều 26 Dự thảo Điều lệ sửa đổi.</p>
Điều 60	<p>Điều 60. Cách thức biểu quyết</p> <p>3. Biểu quyết</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p>Sửa điểm b khoản 3 Điều 59 như sau:</p> <p>“b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.”</p>	<p>Bổ cụm: “Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết” để thống nhất với điểm b</p>



			khoản 11 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi.
Điều 64	<p>Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 63 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Sửa đổi Điều 64 như sau:</p> <p>Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p>	Sửa đổi để phù hợp với khoản 17 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi và khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.



<p>Điều 69</p>	<p>Điều 69. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty</p> <p>1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 69. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn</p> <p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn khi xét thấy cần thiết nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p>	<p>Bỏ khoản 2 vì Đại hội đồng cổ đông không có quyền này theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ, đồng thời để tránh tình trạng một chức danh mà do hai cơ quan quyết định việc bãi nhiệm sẽ chồng chéo thẩm quyền.</p>
<p>Điều 74</p>	<p>Điều 74. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của Tổng Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	<p>Sửa điểm f khoản 1 Điều 73 như sau: f. Không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong 03 năm liền trước đó.”</p>	<p>Điều 168 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Điều 287, Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>Điều 75</p>	<p>Điều 75. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Tổng Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50%</p>	<p>Điều 75. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử</p>	<p>Sửa đổi khoản 1 này để phù hợp với khoản 1 Điều 37 của Dự thảo Điều lệ sửa đổi</p>



	được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên.	một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	
Điều 81	<p>Điều 81. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc</p> <p>Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng Công ty và Tổng Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng Công ty và Tổng Công ty mẹ; c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng Công ty. 	<p>Điều 81. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tập đoàn và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tập đoàn và công ty mẹ; c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tập đoàn. 	<p>- Tái cấu trúc thành hai khoản khác nhau do 2 nội dung này khác nhau.</p> <p>- Diễn đạt cho phù hợp với Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p>



<p>Điều 92</p>	<p>Điều 92. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS</p> <p>1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT</p> <p>b. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Tổng Công ty, Tổng Công ty con, Tổng Công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa điểm b khoản 1 như sau: “Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>Điều 98</p>	<p>Điều 98. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 08 Chương, 98 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp-CTCP nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.</p> <p>2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.</p> <p>3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị Tổng Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</p>	<p>Điều 98. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 08 Chương, 97 Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.</p> <p>2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tập đoàn.</p> <p>3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này của Tập đoàn phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</p>	<p>Điều chỉnh để cập nhật thời điểm ĐHCĐ thông qua quy chế này.</p>





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC III BẢNG TÓM TẮT

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP**



Điều khoản	QUY CHẾ HIỆN HÀNH <i>(Những nội dung không được đề cập ở cột này là nội dung cần giữ nguyên như trong Quy chế hiện hành)</i>	QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GIẢI TRÌNH LÝ DO VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ
-------------------	--	---------------------------------	--



<p>PHẦN CĂN CỨ</p>		<p>Sửa đổi, bổ sung Phần căn cứ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP (BECAMEX GROUP); - Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2026 của Đại hội đồng cổ 	<p>Bổ sung, cập nhật thêm các văn bản pháp luật mới có liên quan.</p>
-----------------------------------	--	--	---



		đồng thường niên năm 2026 của BECAMEX GROUP về việc thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.	
Điều 3	<p><i>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, trong đó có được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng Công ty;</p> <p>b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p> <p>c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</p> <p>d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên</p>	<p><i>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, trong đó có được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các đơn vị trong Tập đoàn.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và các nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tập đoàn;</p> <p>b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p> <p>c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</p> <p>d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con,</p>	Sửa đổi để phù hợp với Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và khoản 80 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.



	<p>quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tập đoàn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 4</p>	<p><i>Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Tổng Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của đơn vị trong Tổng Công ty.</p> <p>2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:</p>	<p><i>Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tập đoàn cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của đơn vị trong Tập đoàn.</p> <p>2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:</p>	<p>Sửa đổi để chi tiết hơn về quy trình cung cấp, sử dụng và bảo mật thông tin.</p>



	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT Tổng Công ty. - Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin. - Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT Tập đoàn. - Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin. - Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày và chịu trách nhiệm giải trình các thắc mắc của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin. - Thành viên HĐQT yêu cầu cung cấp thông tin sau khi sử dụng xong thông tin tiến hành làm báo cáo đến HĐQT (nếu xét thấy cần thiết) và đảm bảo việc bảo mật thông tin. 	
Điều 5	<p style="text-align: center;"><i>Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p>4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p>	<p style="text-align: center;"><i>Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p>4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Tập đoàn phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; 	<p>- Sửa đổi khoản 1 và khoản 4 để phù hợp với Điều 26 Dự thảo Điều lệ sửa đổi.</p>



<p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Tổng Công ty và quy chế này.</p> <p>6. Thành viên hội đồng quản trị độc lập được tổ chức và phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:</p> <p>a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty;</p> <p>b) Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; - Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên." <p>Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tập đoàn phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Tập đoàn và quy chế này.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập được tổ chức và phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:</p>	
---	--	--



	<p>c) Mọi hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, và Điều lệ Tổng Công ty.</p>	<p>a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tập đoàn;</p> <p>b) Trung thành với lợi ích của Tập đoàn và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tập đoàn, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Mọi hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, và Điều lệ Tập đoàn.</p>	
Điều 6	<p><i>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công ty có quy định khác;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty khác;</p>	<p><i>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn và không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>- Điều chỉnh lại điểm c cho phù hợp với Điều 26 Dự thảo Điều lệ sửa đổi và Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p> <p>- Điều chỉnh lại cách diễn đạt ở điểm d cho ngắn gọn và hợp lý hơn.</p>



	<p>d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;</p> <p>đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng Công ty.</p>	<p><i>hoặc Hội đồng thành viên</i> tại tối đa 05 công ty khác;</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;</p> <p>đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tập đoàn.</p>	
<p>Điều 7</p>	<p><i>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị</i></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Lập chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên khác trong HĐQT thực hiện việc quản trị hoạt động của Tổng Công ty. Đánh giá hiệu quả làm việc</p>	<p>- Sửa đổi, bãi bỏ một số điểm của khoản 3 Điều 7 như sau:</p> <p>+ “g) Phê duyệt dự toán chi phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Tập đoàn và các chi phí bất thường khác, bao gồm cả các chi phí bất thường trong lúc triển khai thực hiện dự án đầu tư do Tổng giám đốc đề xuất, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>+h) “Phê duyệt tờ trình của Tổng giám đốc về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và mức lương của các chức danh: các Giám đốc, Phó Giám đốc bộ phận chức năng, Giám đốc, Phó Giám đốc các phòng ban hoặc Trưởng, Phó các chi nhánh đơn vị trực thuộc của Tập đoàn.”</p>	<p>- Sửa đổi một số điểm của khoản 3 Điều 7 để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (Điều 36, Điều 138, Điều 153, Điều 162) và Điều lệ Tập đoàn. Bỏ điểm i và j vì các vấn đề này thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>- Bãi bỏ khoản 6 Điều 7 vì không phù hợp với qui định tại Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p>



<p>của HĐQT và từng thành viên HĐQT và báo cáo ĐHCĐ về kết quả đánh giá này.</p> <p>f) Ký các văn bản nhân danh ĐHCĐ và HĐQT.</p> <p>g) Phê duyệt dự toán chi phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Tổng Công ty và các chi phí bất thường khác, bao gồm cả các chi phí bất thường trong lúc triển khai thực hiện dự án đầu tư do Tổng Giám đốc đề xuất.</p> <p>h) Phê duyệt tờ trình của Tổng Giám đốc về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và mức lương của các chức danh: Thư ký Tổng Công ty, các Giám đốc, Phó Giám đốc bộ phận chức năng, Giám đốc, Phó Giám đốc các phòng ban hoặc Trưởng, Phó các chi nhánh đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty.</p> <p>i) Phê duyệt các khoản đầu tư đến 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.</p> <p>j) Việc định giá tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.</p> <p>k) Phê duyệt các vấn đề đầu tư dự án, kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương trước khi Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.</p> <p>l) Phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Ban TGD trong các vấn đề tuyển dụng, điều động, sắp xếp nhân sự thuộc Tổng Công ty.</p>	<p>+ Bỏ điểm “i) Phê duyệt các khoản đầu tư đến 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.”</p> <p>+ Bỏ điểm: “j) Việc định giá tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.”</p> <p>+ k) Phê duyệt các vấn đề đầu tư dự án, kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương trước khi Tổng giám đốc triển khai thực hiện.</p> <p>+ m) Phê duyệt các chủ trương về giá thành, chi phí,...liên quan đến dự án, công trình sau khi được HĐQT phê duyệt chủ trương dự án.</p> <p>- Bãi bỏ khoản 6 Điều 7</p>	
--	---	--



	<p>m) Phê duyệt các chủ trương về giá thành, chi phí,...liên quan đến dự án, công trình.</p> <p>n) Tham dự và có ý kiến góp ý, chỉ đạo tại các cuộc họp của Ban TGD.</p> <p>o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>6. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt do bận công tác thì Phó chủ tịch HĐQT được quyền ký các văn bản nhân danh ĐHCĐ và HĐQT.</p>		
<p>Điều 11</p>	<p><i>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</i></p>	<p>* Điểm i khoản 2 Điều 11 sửa lại như sau:</p> <p>*i) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, <i>Thư ký Tập đoàn</i> của Tập đoàn, <i>cử người đại diện theo ủy quyền</i> tại các đơn vị có vốn góp của Tập đoàn. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tập đoàn ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tập đoàn;</p> <p>* Bổ sung điểm t và điểm u vào sau điểm s khoản 2 Điều 11 sửa lại như sau:</p> <p>t) Phê duyệt các khoản đầu tư đến 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.</p> <p>u) Việc định giá tài sản góp vào Tập đoàn không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tập đoàn, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.</p>	<p>- Bổ sung thêm quyền bổ nhiệm Thư ký Tập đoàn tại điểm i và các quyền tại điểm t và điểm u để phù hợp với quy định tại Điều 156, Điều 153 và Điều 36 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p> <p>- Bổ cụm từ: “Sau khi được sự chấp thuận của Chủ sở hữu” tại điểm l khoản 2 Điều 11, vì hiện tại Becamex Group là công ty cổ phần nên không áp dụng cơ chế cần có sự chấp thuận của chủ sở hữu như đối với Công ty TNHH một thành viên. (Điều 76, 80, 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14).</p>



		<p>*Điểm l khoản 2 Điều 11 sửa lại như sau:</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, viện nghiên cứu, trường học và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác để các doanh nghiệp đó trở thành công ty con hoặc công ty liên kết của Tập đoàn. Phê duyệt mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>* Chuyển điểm t thành điểm v.</p>	
Điều 16	<p>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>b) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 16 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.</p>	<p>- Bỏ đoạn: “Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;” ở điểm b khoản 11 này vì Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Khoản 4 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chỉ quy định thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với</p>



			giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó, chứ không có quy định thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết. Bên cạnh đó, còn để phù hợp với điểm b khoản 11 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi.
Điều 17	<p><i>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị</i></p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	Sửa khoản 2 Điều 17 như sau: “2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh	Sửa đổi khoản 2 Điều 17 cho phù hợp với Điều 158 Luật Doanh nghiệp và khoản 17 Điều 30 Điều lệ.



		ngiệp, Điều lệ Tập đoàn và pháp luật có liên quan. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.”	
--	--	--	--





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC IV BẢNG TÓM TẮT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT-
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP**

Điều khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT			
	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (Những nội dung không được đề cập ở cột này là nội dung cần giữ nguyên như trong Quy chế hiện hành)	QUY CHẾ ĐIỀU CHỈNH	GIẢI TRÌNH LÝ DO VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	PHẦN CĂN CỨ			



		<p>Sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP (BECAMEX GROUP); - Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của 	<p>Bổ sung, cập nhật thêm các văn bản pháp luật có liên quan mới nhất.</p>	
--	--	--	--	--



		<i>BECAMEX GROUP về việc thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.</i>		
--	--	---	--	--



<p>ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ</p>	<p>ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ</p> <p>Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Thành viên Ban kiểm soát</i> là Kiểm soát viên. 2. <i>Công ty</i> là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP 	<p>ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ</p> <p>Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. “Thành viên Ban kiểm soát” là Kiểm soát viên. 2. “Điều lệ” là Điều lệ Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP. 3. “Tập đoàn” là Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP. 4. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm. 5. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm. 	<p>Bổ sung định nghĩa một số thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong Quy chế.</p>	
---	--	--	--	--



CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

<p>Điều 5</p>	<p><i>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</i></p> <p>2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty; người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.</p>	<p>Sửa đổi khoản 2 như sau:</p> <p>2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Tập đoàn không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tập đoàn và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tập đoàn.</p>	<p>Sửa đổi khoản 2 để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>	
<p>Điều 7</p>	<p><i>Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</i></p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.</p>	<p>Sửa khoản 1 như sau:</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa</p>	<p>Sửa đổi khoản 1 Điều 7 để phù hợp với khoản 1 Điều 37 Dự thảo Điều lệ sửa đổi.</p>	



		sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử tối đa tám (08) ứng viên.		
--	--	--	--	--





TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

BECAMEX

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2026



MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TẬP ĐOÀN	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tập đoàn.....	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn.....	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN.....	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn.....	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tập đoàn.....	18
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	18
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	18
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	19
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	20
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	20
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....	20
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	21
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	21
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	21
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	21
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	23
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 17. Thay đổi các quyền	27
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông ...	28
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	32
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	33



Điều 23.	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	35
Điều 24.	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	36
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		36
Điều 25.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 26.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 27.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	38
Điều 28.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	40
Điều 29.	Chủ tịch Hội đồng quản trị	41
Điều 30.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	42
Điều 31.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	45
Điều 32.	Người phụ trách quản trị Tập đoàn.....	45
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		46
Điều 33.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	46
Điều 34.	Người điều hành Doanh nghiệp.....	46
Điều 35.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	47
Điều 36.	Thư ký Tập đoàn.....	47
IX. BAN KIỂM SOÁT		48
Điều 37.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	48
Điều 38.	Thành phần Ban Kiểm soát	48
Điều 39.	Trưởng Ban kiểm soát.....	49
Điều 40.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	49
Điều 41.	Cuộc họp của Ban kiểm soát	50
Điều 42.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	50
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		51
Điều 43.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	51
Điều 44.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	53
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TẬP ĐOÀN		53
Điều 45.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	53
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN		54
Điều 46.	Công nhân viên và công đoàn	54
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		54
Điều 47.	Phân phối lợi nhuận	54



XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	55
Điều 49. Năm tài chính.....	55
Điều 50. Chế độ kế toán.....	55

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	56
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	56

XVI. KIỂM TOÁN TẬP ĐOÀN.....

Điều 53. Kiểm toán.....	56
-------------------------	----

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp.....	56
------------------------------------	----

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....

Điều 55. Giải thể Tập đoàn.....	57
Điều 56. Thanh lý.....	57

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	58
--	----

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....

Điều 58. Điều lệ Tập đoàn.....	58
--------------------------------	----

XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....

Điều 59. Ngày hiệu lực.....	59
-----------------------------	----



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2026 và thay thế cho bản Điều lệ được ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ (YKVB) ngày 30/09/2025.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) **“Vốn có quyền biểu quyết”** là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;
- d) **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.;
- e) **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) **“Ngày thành lập”** là ngày Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- g) **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- h) **“Người quản lý doanh nghiệp”** là người quản lý Tập đoàn, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc.
- i) **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j) **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) **“Cổ đông lớn”** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- l) **“Thời hạn hoạt động”** là thời gian hoạt động của Tập đoàn được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn thông qua;
- m) **“Tập đoàn”** là Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP ;
- n) **“BECAMEX GROUP”** là tên viết tắt của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP
- o) **“Sở giao dịch chứng khoán”** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.



- p) **“Pháp luật”** có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.
- q) **“Công ty con”** là bất kỳ công ty nào mà Tập đoàn sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông; hoặc có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; hoặc có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- r) **“Người được ủy quyền dự họp”** là người được cổ đông ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- s) **“Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn”** là cá nhân được Tập đoàn ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Tập đoàn đối với phần vốn của Tập đoàn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn."
- t) **“Địa bàn kinh doanh”** có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- u) **“Quy chế nội bộ về quản trị công ty”** là quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và do Hội đồng quản trị ban hành, quy định về quản trị, điều hành Tập đoàn phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm.
- v) **“Điều lệ”** là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn và các sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại từng thời điểm.
- w) **“Hội đồng quản trị”** hoặc **“HDQT”** là cơ quan quản lý của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- x) **“Ban kiểm soát”** hoặc **“BKS”** là cơ quan thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của Tập đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều lệ này.



II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tập đoàn

1. Tên Tập đoàn

- Tên Tập đoàn viết bằng tiếng Việt: **TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP**

- Tên Tập đoàn viết bằng tiếng nước ngoài: **BECAMEX INVESTMENT AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT GROUP**

- Tên Tập đoàn viết tắt: **BECAMEX GROUP**

Tập đoàn là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2. Trụ sở đăng ký của Tập đoàn:

- Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Điện thoại: (0274) 3822655.

- Fax: (0274) 3822713.

- E-mail: info@becamex.com.vn

- Website: www.becamex.com.vn

3. Tập đoàn có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tập đoàn phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55, thời hạn hoạt động của Tập đoàn là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn

1. Tập đoàn có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Tổng giám đốc.

2. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn là cá nhân đại diện cho Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tập đoàn, đại diện cho Tập đoàn với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.



3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

4. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn phải cư trú ở Việt Nam. Trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản này mà người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trở lại làm việc tại Tập đoàn hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn.

5. Ngoài các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ, thì người đại diện theo pháp luật có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 29 của Điều lệ này;
- Đối với Tổng giám đốc thực hiện theo khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>(trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).</i> Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; dịch vụ nhà ở công nhân.	6810	X
2	Hoạt động đo đạc bản đồ Chi tiết: Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính.	71102	
3	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản	6821	



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	<i>(trừ dịch vụ đầu giá tài sản).</i> Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản		
4	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	6829	
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	
6	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo <i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i> Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo.	3512	
7	Truyền tải và phân phối điện <i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i> Chi tiết: Truyền tải và phân phối điện, điện năng và điện năng lượng mặt trời đến cấp điện áp 110 kV. Đầu tư phát triển lưới điện, phân phối bán lẻ điện, quản lý vận hành và sửa chữa lưới điện đến cấp điện áp 110 kV. Kinh doanh mua, bán năng lượng điện mặt trời áp mái, trên mặt đất và nổi trên mặt nước đến cấp điện áp 110 kV.	3513	
8	Xây dựng công trình điện <i>(trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i> Chi tiết: Thi công và lắp đặt các công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 kV. Thi công và lắp đặt hệ thống năng lượng điện mặt trời (áp mái, trên	4221	



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	<p>mặt đất, và nổi trên mặt nước).</p> <p>Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng</p>		
9	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p><i>(Trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải)</i></p> <p>Chi tiết:</p> <p>Tư vấn khảo sát, thiết kế đường dây tải điện và trạm biến áp đến cấp điện áp 110 kV.</p> <p>Tư vấn giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110 kV.</p> <p>Tư vấn thiết kế và giám sát thi công hệ thống năng lượng điện mặt trời (áp mái, trên mặt đất và nổi trên mặt nước).</p> <p>Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn lập dự án đầu tư; Tư vấn đấu thầu, lập dự toán các công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 kV.</p> <p>Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng.</p> <p>Thiết kế, thẩm tra, giám sát và thi công các công trình điện năng từ 35 KV trở xuống (Đường dây tải điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp).</p> <p>Quản lý dự án và giám sát thi công công trình.</p> <p>Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính.</p> <p>Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.</p> <p>Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức</p>	7110	



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	PPP. Tư vấn và lập quy hoạch đô thị (quy hoạch chung, phân khu, chi tiết 1/500), lập quy hoạch nông thôn, lập quy hoạch xây dựng vùng.		
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>(trừ Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá.)</i> Chi tiết: Kiểm định, hiệu chỉnh, thử nghiệm, lắp đặt, kiểm tra: các loại thiết bị điện, phương tiện đo lường, dụng cụ đo lường, trang thiết bị điện, bảo vệ điều khiển. Thử nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; Hoạt động tự động hóa và điều khiển	8299	
11	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ.	5022	
12	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ ICD. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho	5210	



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.		
13	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</p> <p><i>(trừ dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải.)</i></p> <p>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương; Hoạt động điều hành cảng đường thủy nội địa.</p>	5222	
14	<p>Bốc xếp hàng hóa</p> <p><i>(trừ Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).</i></p> <p>Chi tiết:</p> <p>Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.</p> <p>Bốc xếp hàng hóa đường bộ. Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Bốc xếp hàng hóa cảng sông. Bốc xếp hàng hóa loại khác.</p>	5224	
15	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p><i>(trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và</i></p>	5229	



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	<p><i>cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải; Dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không).</i></p> <p>Chi tiết:</p> <p>Dịch vụ Kho hàng, bãi container, đóng gói, xếp dỡ vận tải container, các đại lý vận tải hàng hóa, kiểm đếm hàng hóa; Kinh doanh kho ngoại quan, kho lạnh, bãi container.</p> <p>Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và khai thuê hải quan.</p> <p>Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyên. Logistics.</p> <p>Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.</p> <p>Dịch vụ vệ sinh tàu biển. Dịch vụ khu vực cảng mở: Mua bán, phân loại, lưu trữ, bảo quản, sửa chữa bao gói, đóng gói hàng hóa</p>		
16	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p><i>(trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i></p> <p>Chi tiết:</p> <p>Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng.</p> <p>Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.</p>	4299	



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
17	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản.	0810	
18	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899	
19	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng	2394	
20	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i> Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng.	4673	
21	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn.	2395	
22	Xây dựng nhà để ở	4101	
23	Sản xuất vải dệt thoi Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dệt và may mặc.	1312	
24	Hoàn thiện sản phẩm dệt Chi tiết: Gia công các sản phẩm dệt và may mặc	1313	
25	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Mua bán các sản phẩm dệt và may mặc.	4641	
26	Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời và bộ biến tần quang điện	2611	
27	Sản xuất linh kiện điện tử khác Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp hàng điện tử.	2619	
28	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640	
29	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho	2819	



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	sản xuất công nghiệp và tiêu dùng.		
30	<p>Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông</p> <p><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i></p> <p>Chi tiết: Mua bán hàng điện tử.</p>	4652	
31	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i></p> <p>Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng.</p>	4659	
32	<p>Sản xuất khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Sản xuất vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.</p>	3290	
33	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i></p> <p>Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng</p>	4679	
34	<p>Quảng cáo</p> <p><i>(trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cầm quảng cáo)</i></p> <p>Chi tiết: Thực hiện các dịch vụ tiếp thị.</p>	7310	
35	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320	



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	<i>(trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận)).</i> Chi tiết: Nghiên cứu thị trường.		
36	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước.	6619	
37	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế.	8610	
38	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620	
39	Hoạt động dịch vụ trung gian cho các khóa học và gia sư	8561	
40	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác Chi tiết: Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.	8569	
41	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa phương tiện thủy, sửa chữa tàu biển. Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải đường sắt đô thị.	3315	
42	Xây dựng công trình thủy <i>(trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i> Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa công trình thủy. Hoạt động nạo vét đường thủy.	4291	
43	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển. Vận tải hàng hóa viễn dương. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế.	5012	
44	Xây dựng công trình đường sắt	4211	



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
45	Vận tải hành khách đường sắt Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế.	4911	
46	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt.	4912	
47	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách trong nội thành, ngoại thành bằng đường sắt đô thị.	4931	
48	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt <i>(trừ quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, không bao gồm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt)</i> Chi tiết: Hoạt động của các nhà ga hành khách đường sắt. Các dịch vụ khác liên quan đến việc tổ chức và thực hiện chuyên chở hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa bằng đường sắt. Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. Kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt.	5221	
49	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị chuyên ngành đường sắt đô thị.	3312	
50	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam: - Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước.		



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	<p>- Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục.</p> <p>(Tập đoàn không thực hiện các hoạt động kinh doanh thuộc danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại mục A Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm)</p>		

2. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn: Tập đoàn được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu tối đa lợi nhuận, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Tập đoàn.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tập đoàn

1. Tập đoàn được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề của Tập đoàn đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và quy định trong Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tập đoàn.
2. Tập đoàn có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm.
3. Trường hợp Tập đoàn kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tập đoàn phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tập đoàn là **10.350.000.000.000 đồng** (Mười ngàn, ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- Tổng số vốn điều lệ của Tập đoàn được chia thành 1.035.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.



2. Tập đoàn có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 3. Các cổ phần của Tập đoàn vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
 4. Tập đoàn có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 5. Tập đoàn không có cổ đông sáng lập.
- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tập đoàn, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tập đoàn quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
6. Tập đoàn có thể mua cổ phần do chính Tập đoàn đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
 7. Tập đoàn có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
 8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP là 34%.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tập đoàn được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tập đoàn hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tập đoàn, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tập đoàn chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tập đoàn cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;



b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tập đoàn được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tập đoàn.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tập đoàn phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tập đoàn phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.



V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tập đoàn bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tập đoàn, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn, Quy chế quản trị nội bộ và pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tập đoàn;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tập đoàn, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Tập đoàn giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tập đoàn;
- h) Yêu cầu Tập đoàn mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tập đoàn có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tập đoàn công bố theo quy định của pháp luật;



k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tập đoàn;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tập đoàn; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tập đoàn chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:



- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì đề cử số ứng cử viên còn lại thực hiện theo quy định tại điều 25, điều 37 điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tập đoàn dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tập đoàn hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tập đoàn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Tập đoàn và Quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Tập đoàn cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tập đoàn cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định pháp luật.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tập đoàn dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;



- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tập đoàn.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tập đoàn. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Căn cứ tình hình hoạt động, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tập đoàn có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tập đoàn phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.



b) Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

d) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Tập đoàn triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tập đoàn hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

5. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Tập đoàn;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tập đoàn và các cổ đông của Tập đoàn;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tập đoàn;



- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tập đoàn, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tập đoàn;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tập đoàn, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tập đoàn;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tập đoàn;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tập đoàn và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Tập đoàn ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm;



- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông là tổ chức chỉ được ủy quyền cho tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tập đoàn).

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tập đoàn).

4. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tập đoàn nhận được thông báo về một trong các sự kiện tối thiểu hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất



lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và 22 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tập đoàn không bị thay đổi khi Tập đoàn phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tập đoàn phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.



3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tập đoàn và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tập đoàn chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.



Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tập đoàn phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tập đoàn cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm



- soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;



c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Tập đoàn áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tập đoàn có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tập đoàn;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
- e) Tổ chức lại, giải thể Tập đoàn;
- f) Gia hạn hoạt động Tập đoàn (nếu có);

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo khoản 2 Điều 21 Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp áp dụng phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu



ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tập đoàn.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tập đoàn;
 - b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
 - f) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - g) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tập đoàn;
 - h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết;
 - i) Tập đoàn mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - j) Tập đoàn ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - k) Tổ chức lại, giải thể Tập đoàn;
 - l) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;



- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Tập đoàn phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tập đoàn bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tập đoàn. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được chủ tịch HĐQT ủy quyền), người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới



chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.



3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;



- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn và các bên có liên quan của Tập đoàn;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tập đoàn, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn;
- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h) Các thông tin khác (nếu có);

Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:



a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Tập đoàn phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên."

Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

- a) Theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
- b) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn.

7. Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của tập đoàn, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tập đoàn;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần;
- e) Trường hợp Tập đoàn Quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, giá trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu. Điều khoản này không áp dụng đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;
- f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện phần vốn của Tập đoàn tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, viện nghiên cứu, trường học và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Giải quyết các khiếu nại của Tập đoàn đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tập đoàn để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.
- n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;



- p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- q) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tập đoàn uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tập đoàn;
- r) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tập đoàn;
- s) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- t) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tập đoàn; yêu cầu phá sản Tập đoàn;
- u) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của Tập đoàn;
- v) Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tập đoàn cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của đơn vị trong Tập đoàn.
- w) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị .
- x) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.
- y) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Tập đoàn và người quản lý khác của Tập đoàn".
- z) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tập đoàn có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tập đoàn, công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện



phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tập đoàn. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tập đoàn.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tập đoàn và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.



4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tập đoàn, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.



Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tập đoàn.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ Tập đoàn, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.
- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Tập đoàn, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;



- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 43 Điều lệ này và pháp luật có liên quan được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tập đoàn và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

16. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.



Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

17. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần), có các nội dung chính quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp; chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và pháp luật có liên quan. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tập đoàn

1. Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tập đoàn để hỗ trợ công tác quản trị Tập đoàn tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.



2. Người phụ trách quản trị Tập đoàn không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tập đoàn tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn;

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tập đoàn được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tập đoàn do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ doanh nghiệp đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng



trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tập đoàn;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tập đoàn, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tập đoàn, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, hợp đồng lao động ký với Tập đoàn và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tập đoàn thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tập đoàn.

Điều 36. Thư ký Tập đoàn

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tập đoàn với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Tập đoàn có quyền và nghĩa vụ sau đây:



- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tập đoàn;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ Tập đoàn.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tập đoàn là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;
- b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong 03 năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.



4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
- d) Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên, chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát.
- e) Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.
- f) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản khác ngoài quy định tại điểm c khoản 2 điều này để thực hiện các công việc của Ban kiểm soát.
- g) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tập đoàn, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.



3. Giám sát tình hình tài chính của Tập đoàn, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tập đoàn lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tập đoàn trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt



động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tập đoàn.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tập đoàn.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Tập đoàn không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

7. Tập đoàn không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ cổ đông là công ty con trong trường



hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Tập đoàn trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.

8. Tập đoàn không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp:

a) Tập đoàn và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn; đồng thời tổ chức là người có liên quan không phải là cổ đông của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 8 Điều này.

b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Tập đoàn chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của Tập đoàn quy định tại khoản 8 Điều này) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

b) Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn giữa Tập đoàn với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tập đoàn và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.



10. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản 8 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

11. Tổng giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tập đoàn và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tập đoàn và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tập đoàn bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tập đoàn là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tập đoàn, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tập đoàn trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tập đoàn có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TẬP ĐOÀN

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

- a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tập đoàn, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tập đoàn.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.



3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tập đoàn, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tập đoàn vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tập đoàn phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tập đoàn phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tập đoàn với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tập đoàn và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tập đoàn.

2. Tập đoàn không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tập đoàn.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tập đoàn phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tập đoàn đã chuyển khoản theo đúng các



thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tập đoàn không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tập đoàn đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tập đoàn lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Tập đoàn mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tập đoàn có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tập đoàn tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tập đoàn mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tập đoàn sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tập đoàn.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tập đoàn có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.



XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tập đoàn phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tập đoàn công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tập đoàn.
3. Tập đoàn phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các cổ đông Tập đoàn đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và quý trong giờ làm việc của Tập đoàn, tại trụ sở chính của Tập đoàn và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Tập đoàn phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TẬP ĐOÀN

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tập đoàn.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.



2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tập đoàn, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tập đoàn (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Tập đoàn

1. Tập đoàn bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Tập đoàn mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tập đoàn không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

2. Việc giải thể Tập đoàn trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tập đoàn hoặc sau khi có quyết định giải thể Tập đoàn, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tập đoàn hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tập đoàn.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tập đoàn trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tập đoàn trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Tập đoàn;



- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tập đoàn, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Tập đoàn;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền. Trường hợp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, địa điểm giải quyết tranh chấp được tiến hành tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Tập đoàn

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tập đoàn chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tập đoàn.



XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 59 điều được ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tập đoàn.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tập đoàn có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN HOÀN VŨ





**TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP (Tập đoàn Becamex);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Becamex về việc thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP.

Điều 2. Giao Tổng giám đốc Tập đoàn chỉ đạo các Phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn được ban hành kèm theo Quyết định này thay thế cho bản Quy chế nội bộ về quản trị được ban hành theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 23 tháng 8 năm 2021.



Điều 4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng, Ban, Trung tâm liên quan của Tập đoàn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VP.HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN VĂN HÙNG



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP**

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	8
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	8
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	8
CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Mục 1 - Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Mục 2 - Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đồng	10
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đồng có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	18
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	19
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	20
Điều 16. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	20
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu	21
Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22



II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

22

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản -----	22
Điều 22. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản -----	23

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

25

Điều 23. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	25
Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	25
Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử-----	25
Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	26
Điều 27. Điều kiện tiến hành-----	26
Điều 28. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến -----	26
Điều 29. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	27
Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến-----	27
Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến-----	28
Điều 32. Thông báo kết quả kiểm phiếu -----	28
Điều 33. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	28
Điều 34. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	28

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

28

Trình tự thủ tục triệu tập đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện như sau:

28

Điều 35. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông-----	28
Điều 36. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	28
Điều 37. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông-----	29
Điều 38. Điều kiện tiến hành-----	29
Điều 39. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông-----	29
Điều 40. Cách thức bỏ phiếu -----	29
Điều 41. Cách thức kiểm phiếu -----	29
Điều 42. Thông báo kết quả kiểm phiếu -----	29
Điều 43. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	29
Điều 44. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	29
CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ-----	30



Mục 1 - Quy định chung

30

Điều 45. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT----- 30

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT ----- 30

Mục 2 - Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

31

Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT ----- 31

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT ----- 32

Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị ----- 32

Điều 50. Cách thức bầu thành viên HĐQT ----- 33

Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 33

Điều 52. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị----- 34

Điều 53. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị ----- 34

Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị----- 34

Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

35

Điều 55. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ----- 35

Mục 4 - Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

35

Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm ----- 35

Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường ----- 36

Điều 58. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát ----- 36

Điều 59. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị----- 36

Điều 60. Cách thức biểu quyết----- 36

Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị----- 38

Điều 62. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị----- 38

Điều 63. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị----- 38

Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị--- 39

Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ----- 39

Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

39

Điều 66. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT ----- 39

Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn

40

Điều 67. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Tập đoàn ----- 40

Điều 68. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn----- 40

Điều 69. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn ----- 40



Điều 70. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn -----	40
Điều 71. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn-----	40
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT-----	41
Mục 1 - Quy định chung	
41	
Điều 72. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	41
Mục 2 - Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	
41	
Điều 73. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát -----	41
Điều 74. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát -----	42
Điều 75. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) -----	42
Điều 76. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát -----	43
Điều 77. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	43
Điều 78. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	43
Điều 79. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát -----	43
CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC -----	45
Điều 80. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc -----	45
Điều 81. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc-----	45
Điều 82. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc -----	45
Ban Tổng giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 81 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Tập đoàn có nhu cầu tìm kiếm Tổng giám đốc. -----	45
Điều 83. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	45
Điều 84. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	46
Điều 85. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc-----	46
CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC-----	47
Mục 1 - Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	
47	
Điều 86. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc -----	47
Điều 87. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát -----	47
Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng giám đốc -----	47
Điều 89. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT -----	47
Điều 90. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao-----	48



Điều 91. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc-----	48
Điều 92. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS -----	48
Điều 93. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên-----	49
Mục 2 - Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	
51	
Điều 94. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác -----	51
Điều 95. Khen thưởng -----	52
Điều 96. Kỷ luật -----	52
CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN-----	53
Điều 97. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Tập đoàn -----	53
CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC -----	53
Điều 98. Ngày hiệu lực-----	53



CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP (Tập đoàn Becamex) và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tập đoàn.
2. Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
3. **“Đại biểu”** là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).
4. **“Đại hội đồng cổ đông trực tuyến”** là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức dưới hình thức tham gia *thông qua mạng internet* để thực hiện các quyền biểu quyết/bầu cử của mình.
5. **“Bỏ phiếu điện tử”** là việc Đại biểu kết nối internet và thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Tập đoàn quy định và thông báo.
6. **“Hệ thống bỏ phiếu điện tử”** là hệ thống cung cấp cho đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
7. **“Yếu tố định danh”** là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
8. **“Sự kiện bất khả kháng”** là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập Đại hội đồng cổ đông không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, khả năng cho phép.
9. **“Bầu dồn đều”** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà đại biểu dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.
10. **“Bầu ghi số”** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện.
11. **“Tập đoàn”** Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP (Becamex Group)



12. “HĐQT” là Hội đồng quản trị.
13. “Ứng cử” là việc cổ đông tự đề cử.
14. “BKS” là Ban kiểm soát.
15. “VSDC” là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
16. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
17. “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.
18. “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.
19. “Nghị định số 155/2020/NĐ-CP” là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.
20. “Điều lệ ” là Điều lệ của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
21. “BTC” là Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông.



CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1 - Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ Tập đoàn.

Mục 2 - Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Căn cứ tình hình hoạt động thực tế, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tập đoàn hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tập đoàn;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tập đoàn thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tập đoàn thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tập đoàn có quyền đại diện Tập đoàn triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tập đoàn hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.



- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- g. Đoàn Chủ tọa bao gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên.
- h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;



- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:
- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:
- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách tư cách cổ đông/đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn được tổ chức tiến hành.



- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tập đoàn phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Tập đoàn thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.
4. Trường hợp Tập đoàn có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tập đoàn. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tập đoàn phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;



g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Tập đoàn niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tập đoàn có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tập đoàn chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tập đoàn;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:



- a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Tập đoàn hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Tập đoàn.
- b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
 - Tập đoàn phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Tập đoàn;
- b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tập đoàn).

- c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.



- Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tập đoàn nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Tập đoàn phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tập đoàn cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của Điều lệ Tập đoàn, quy chế này và pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

1. Thông qua định hướng phát triển của Tập đoàn ;



2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tập đoàn và cổ đông Tập đoàn;
3. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tập đoàn, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tập đoàn;
5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tập đoàn, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
9. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
13. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tập đoàn;
14. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
15. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tập đoàn và chỉ định người thanh lý;
16. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
17. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
18. Tập đoàn ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
19. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
20. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
21. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông

1. Nguyên tắc chung
 - a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
 - b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Tập đoàn in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết,



Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử

a. Thẻ biểu quyết:

“Thẻ biểu quyết” là phương tiện Tập đoàn phát hành cho cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp pháp tham dự họp để thực hiện quyền biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Thẻ biểu quyết thể hiện thông tin nhận diện người có quyền biểu quyết, số lượng cổ phần hoặc tỷ lệ quyền biểu quyết được đại diện, nội dung biểu quyết và các phương án biểu quyết, là căn cứ pháp lý để xác định ý chí biểu quyết, phục vụ công tác kiểm phiếu, xác định tỷ lệ thông qua nghị quyết và lưu trữ hồ sơ theo quy định của Tập đoàn và pháp luật có liên quan, và có thể được phát hành dưới hình thức điện tử phù hợp với điều kiện tổ chức họp và quy định nội bộ của Tập đoàn.

b. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

c. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ;
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Tập đoàn quy định.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung



- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như không biểu quyết. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “√” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- c. Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo Điều 30 Quy chế này.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn ;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên cần bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);



- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
 - Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.
 - + Nội dung khác theo quy định tại quy chế bầu cử.
- Lưu ý:** Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.
- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

c. Bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo Điều 30 Quy chế này.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tập đoàn;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;



- e. Tổ chức lại, giải thể Tập đoàn;
 - f. Gia hạn hoạt động Tập đoàn;
 - g. Vấn đề khác do Điều lệ Tập đoàn quy định.
2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tập đoàn hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tập đoàn có quyền yêu cầu Tập đoàn mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tập đoàn mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tập đoàn trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Tập đoàn phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tập đoàn trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Tập đoàn giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tập đoàn.



Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:



- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tập đoàn;
- b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
- f) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- g) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tập đoàn;
- h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết;
- i) Tập đoàn mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- j) Tập đoàn ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- k) Tổ chức lại, giải thể Tập đoàn.
- l) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn.

Điều 22. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Tập đoàn phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tập đoàn.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
 - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - Phương án bầu cử (nếu có);
 - Thời hạn phải gửi về Tập đoàn phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;



- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền) và người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn.
- b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tập đoàn bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tập đoàn. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



6. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tập đoàn.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 23. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Tập đoàn.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Tập đoàn.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 25 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử



1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Tập đoàn.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.
2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến do Tập đoàn ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Tập đoàn nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Tập đoàn trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Tập đoàn nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 27. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 28. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

- a. Nguyên tắc:



- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Tập đoàn trả lời sau.

Điều 29. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Tập đoàn không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại khoản a Điều này.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những



vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu được quy định tại quy chế bầu cử
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Tập đoàn. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

Điều 32. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 31 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 33. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Tập đoàn tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Trình tự thủ tục triệu tập đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện như sau:

Điều 35. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 36. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông



Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và Điều 24 Quy chế này.

Điều 37. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 và Điều 26 Quy chế này.

Điều 38. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 39. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 29 Quy chế này.

Điều 40. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 30 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 42. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 43. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 44. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.



CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1 - Quy định chung

Điều 45. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tập đoàn ;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tập đoàn;
3. Đảm bảo hoạt động của Tập đoàn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tập đoàn;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tập đoàn sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Tập đoàn và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Tập đoàn và người quản lý khác của Tập đoàn;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật hiện hành.
10. Báo cáo về tình hình quản trị Tập đoàn tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Tập đoàn theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Tập đoàn, quy chế quản trị nội bộ Tập đoàn.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, quy chế quản trị nội bộ Tập đoàn, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các đơn vị trong Tập đoàn.



2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tập đoàn;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật.
 - f. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tập đoàn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Mục 2 - Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Tập đoàn phải đảm bảo quy định sau:
 - Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

- b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải đảm bảo quy định sau:



- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

- a) Theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
- b) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Tập đoàn.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.



Điều 50. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tập đoàn.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.

Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.



Điều 52. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Tập đoàn có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tập đoàn và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tập đoàn theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 53. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn và các bên có liên quan của Tập đoàn;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tập đoàn, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn;
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).

Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.



4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 55. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tập đoàn có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Mục 4 - Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì.



Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
2. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 58. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tập đoàn.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 59. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 60. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;



- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Biểu quyết
- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Tập đoàn, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 43 Điều lệ Tập đoàn được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tập đoàn và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
5. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp



đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

6. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Tập đoàn.
7. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần), có các nội dung chính quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp; chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 62. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 63. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;



- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 64 Quy chế này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Tập đoàn có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tập đoàn và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tập đoàn theo trình tự và quy định hiện hành.

Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 66. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn.



Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn

Điều 67. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Tập đoàn

Người phụ trách quản trị Tập đoàn không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn.

Điều 68. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn

Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tập đoàn để hỗ trợ công tác quản trị tại Tập đoàn. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tập đoàn theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 69. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn khi xét thấy cần thiết nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 70. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn, Tập đoàn có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tập đoàn và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tập đoàn theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 71. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn

Người phụ trách quản trị Tập đoàn có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.



CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1 - Quy định chung

Điều 72. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tập đoàn, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - c. Giám sát tình hình tài chính của Tập đoàn, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
 - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để Tập đoàn đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
 - g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Mục 2 - Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 73. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tập đoàn là 03 người.
2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn.
4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do



Điều lệ Tập đoàn quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 74. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Tập đoàn; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tập đoàn;
 - e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;
 - f. Không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong 03 năm liền trước đó.
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tập đoàn.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên Tập đoàn đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 02 Điều 169 của Luật Doanh nghiệp.
3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 75. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Tập đoàn. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.



Điều 76. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ Tập đoàn.
2. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.

Điều 77. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ Tập đoàn quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 78. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Tập đoàn có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tập đoàn và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tập đoàn theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 79. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân



sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.



CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 80. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tập đoàn;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tập đoàn, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tập đoàn, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 81. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tập đoàn và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tập đoàn và công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tập đoàn.

Điều 82. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 81 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Tập đoàn có nhu cầu tìm kiếm Tổng giám đốc.

Điều 83. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.



3. Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại điểm j, khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ Tập đoàn.

Điều 84. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Tập đoàn có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tập đoàn và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tập đoàn theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 85. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.



CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 - Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Điều 86. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 87. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 89. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tập đoàn của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Tập đoàn;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Điều lệ Tập đoàn nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Tập đoàn y không được thực thi;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:



- a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn;
- b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tập đoàn;
- c. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
- d. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tập đoàn với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Tập đoàn, các quy chế của Tập đoàn và quy định pháp luật hiện hành.
- e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;
- f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Tập đoàn.

Điều 90. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tập đoàn đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 91. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 80 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tập đoàn.

Điều 92. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT



- a. Các nội dung theo Điều 89 quy chế này;
- b. Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
- c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
 - a. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Tập đoàn phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - b. Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
 - c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 93. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
- c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp



HDQT trong công tác quản lý Tập đoàn. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HDQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn của các thành viên HDQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HDQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HDQT các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
- f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Tập đoàn thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- g. Các nội dung kiến nghị đến HDQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HDQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HDQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc:

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
- b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Tập đoàn. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Tập đoàn trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tập đoàn hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.



- e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Tập đoàn của BKS phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và HĐQT: Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Tập đoàn, đảm bảo Tập đoàn hoạt động liên tục và hiệu quả.
 - a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
 - c. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tập đoàn với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Tập đoàn, các quy chế của Tập đoàn và quy định pháp luật hiện hành;
 - d. Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật
 - e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 96 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.HĐQT.

Mục 2 - Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 94. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Tập đoàn và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....



3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 95. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 94 của Quy chế này.
2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tập đoàn) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Tập đoàn và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 96. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Tập đoàn thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tập đoàn, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.



CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

Điều 97. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Tập đoàn

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tập đoàn chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tập đoàn.

CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 98. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 98 Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP nhất trí thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tập đoàn.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này của Tập đoàn phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN VĂN HÙNG





QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP (Tập đoàn Becamex)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP (Tập đoàn Becamex);
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Becamex về việc thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 09/2021/QĐ-HĐQT ngày 23/08/2021.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng, Ban, Trung tâm liên quan của Tập đoàn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN VĂN HÙNG



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP
MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	6
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	13
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	13
Điều 14. Các nội dung chuyên trách	14
Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	15
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	17
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	17
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	19
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	21
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm	21
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	22
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	23
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	23
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	24
Điều 24. Hiệu lực thi hành.....	24



CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP (*Sau đây gọi chung là “Tập đoàn”*) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tập đoàn.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, trong đó có được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các đơn vị trong Tập đoàn.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tập đoàn;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật.



3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tập đoàn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tập đoàn cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của đơn vị trong Tập đoàn.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

- Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT Tập đoàn.
- Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.
- Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày và chịu trách nhiệm giải trình các thắc mắc của của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.
- Thành viên HĐQT yêu cầu cung cấp thông tin sau khi sử dụng xong thông tin tiến hành làm báo cáo đến HĐQT (nếu xét thấy cần thiết) và đảm bảo việc bảo mật thông tin.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Tập đoàn phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.



Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tập đoàn phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Tập đoàn và quy chế này.

6. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập được tổ chức và phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:

- a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tập đoàn;
- b) Trung thành với lợi ích của Tập đoàn và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tập đoàn, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Mọi hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn và không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tập đoàn.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Tập đoàn, công ty mẹ hoặc công ty con của Tập đoàn; không phải là người đã từng làm việc cho Tập đoàn, công ty mẹ hoặc công ty con của Tập đoàn ít nhất trong 03 năm liền trước đó;



- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tập đoàn, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tập đoàn; là người quản lý của Tập đoàn hoặc công ty con của Tập đoàn;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tập đoàn ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tập đoàn (nếu có).

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Lập chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên khác trong HĐQT thực hiện việc quản trị hoạt động của Tập đoàn. Đánh giá hiệu quả làm việc của HĐQT và từng thành viên HĐQT và báo cáo ĐHCĐ về kết quả đánh giá này.
 - f) Ký các văn bản nhân danh ĐHCĐ và HĐQT.
 - g) Phê duyệt dự toán chi phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Tập đoàn và các chi phí bất thường khác, bao gồm cả các chi phí bất thường trong lúc triển khai thực hiện dự án đầu tư do Tổng giám đốc đề xuất, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.



h) Phê duyệt tờ trình của Tổng giám đốc về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và mức lương của các chức danh: các Giám đốc, Phó giám đốc bộ phận chức năng, Giám đốc, Phó giám đốc các phòng ban hoặc Giám đốc, Phó giám đốc các chi nhánh đơn vị trực thuộc của Tập đoàn.

i) Phê duyệt các vấn đề đầu tư dự án, kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương trước khi Tổng giám đốc triển khai thực hiện

j) Phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Ban Tổng giám đốc trong các vấn đề tuyển dụng, điều động, sắp xếp nhân sự thuộc Tập đoàn.

k) Phê duyệt các chủ trương về giá thành, chi phí, ... liên quan đến dự án, công trình sau khi được HĐQT phê duyệt chủ trương dự án.

l) Tham dự và có ý kiến góp ý, chỉ đạo tại các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc.

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

4. Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, phụ trách quản lý chung hoạt động của HĐQT và trực tiếp phụ trách một hoặc một số mặt công tác để giải quyết những công việc khác đã được HĐQT giao quyền hoặc được Pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tập đoàn, báo cáo kiểm toán của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông và các báo cáo khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

8. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tập đoàn với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Tập đoàn có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tập đoàn;



d) Hỗ trợ Tập đoàn trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế quản trị nội bộ Tập đoàn.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được



đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử tối đa tám (08) ứng viên;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tập đoàn.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.

5. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;



- b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn và các bên có liên quan của Tập đoàn;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn;
 - g) Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.



CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tập đoàn;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Trường hợp Tập đoàn quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, giá trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu. Điều khoản này không áp dụng đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật cụ thể:

+ Quyết định chủ trương đầu tư tất cả các dự án đầu tư mới trong các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn trên phạm vi cả nước, trừ các dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

+ Các vấn đề đầu tư dự án, kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương trước khi Tổng giám đốc triển khai thực hiện.

+ Phê duyệt khung giá kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu dân cư và các dự án kinh doanh khác do Tập đoàn làm chủ đầu tư.

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Tập đoàn của Tập đoàn, cử người đại diện



phần vốn của Tập đoàn tại các đơn vị có vốn góp của Tập đoàn. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tập đoàn ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tập đoàn;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, viện nghiên cứu, trường học và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác để các doanh nghiệp đó trở thành công ty con hoặc công ty liên kết của Tập đoàn. Phê duyệt mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tập đoàn; yêu cầu phá sản Tập đoàn;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tập đoàn;

r) Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tập đoàn cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của đơn vị trong Tập đoàn.

s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

t) Phê duyệt các khoản đầu tư đến 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.

u) Việc định giá tài sản góp vào Tập đoàn không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tập đoàn, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn, quy chế quản trị nội bộ Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.



5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tập đoàn gây thiệt hại cho Tập đoàn thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tập đoàn; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tập đoàn có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tập đoàn và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tập đoàn và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên



quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Tập đoàn không quy định thời hạn ngắn hơn. Tập đoàn phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các nội dung chuyên trách

1. Đối với các hợp đồng phát sinh hàng năm các phòng ban chuyên môn phải lập tờ trình cho Ban Tổng giám đốc ký trước khi thông qua Hội đồng quản trị hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện. Các hợp đồng mua bán bất động sản theo dự án phải được Chủ tịch phê duyệt hợp đồng mẫu trước khi thực hiện.

2. Đối với các dự trù: mua sắm vật tư, nguyên vật liệu, tài sản cố định, bao bì... các phòng ban chuyên môn phải lập bảng kê trình Ban Tổng giám đốc ký trước khi thông qua Hội đồng quản trị hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện. Hình thức thực hiện có thể đấu thầu hoặc chào giá cạnh tranh.



3. Đối với các đề nghị thanh toán (tiền mặt hoặc thanh toán qua ngân hàng) phục vụ cho hoạt động hàng ngày tại Tập đoàn, hoặc các khoản chi trả theo các hợp đồng kinh tế, các khoản chi trả khác... (bao gồm chi phí SXKD, chi phí bán hàng, hoa hồng, môi giới, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác), các phòng ban chức năng phải lập đề nghị thanh toán trình Ban Tổng giám đốc ký trước khi thông qua Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

4. Các vấn đề liên quan đến công tác nhân sự (tuyển dụng, đào tạo, tiền lương...) Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch nhân sự hàng năm do Tổng giám đốc trình trên cơ sở sắp xếp và bố trí lại nhân sự cho phù hợp với yêu cầu hoạt động của Tập đoàn tại từng thời điểm; ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt việc ký kết hợp đồng lao động, mức lương, thưởng và các khoản lợi ích khác có liên quan đối với người lao động. Hàng năm khi tuyển dụng mới hoặc bố trí, chuyển chuyển nhân sự thì phải thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi thực hiện.

5. Các nhiệm vụ khác

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác bao gồm các Phó Tổng giám đốc được thực hiện thông qua các tiêu chí chính như sau:

- Kết quả kinh doanh chung của Tập đoàn;
- Sự tuân thủ của bộ máy quản lý với pháp luật và các quy định nội bộ;
- Hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý;
- Việc triển khai chiến lược kinh doanh của Tập đoàn;
- Hiệu quả của hoạt động đầu tư bao gồm hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và hiệu quả hoạt động thoái vốn.

- Theo yêu cầu của Tổng giám đốc hoặc quy định nội bộ có liên quan, người điều hành (các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các phòng ban, viện nghiên cứu và Giám đốc các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc) có nghĩa vụ gửi báo cáo tự đánh giá về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao lên Tổng giám đốc. HĐQT sẽ đánh giá và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của người điều hành. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể yêu cầu người điều hành trực tiếp báo cáo các nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện cho HĐQT;

- Giám sát việc chỉ đạo của Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn và tại các công ty con;

- Giải quyết các khiếu nại của Tập đoàn đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tập đoàn để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên



của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn.



CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Tập đoàn quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tập đoàn.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn quy định thời hạn



khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tập đoàn.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 16 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.
- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 16 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ Tập đoàn được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- đ) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tập đoàn và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức



sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Tập đoàn.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và pháp luật có



liên quan. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.



CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tập đoàn;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tập đoàn;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tập đoàn không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tập đoàn liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tập đoàn có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.



6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tập đoàn thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải kê khai cho Tập đoàn về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tập đoàn trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tập đoàn đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tập đoàn.



CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.



CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN VĂN HÙNG





**TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /2026/QĐ-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT

**TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX –
CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP (Tập đoàn Becamex);
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Becamex về việc thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát được ban hành kèm theo Quyết định này thay thế cho bản Quy chế được ban hành theo Quyết định số 01/2021/QĐ-BKS ngày 23 tháng 8 năm 2021.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng, Ban, Trung tâm liên quan của Tập đoàn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Hồ Hồng Thạch



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX –
CTCP

MỤC LỤC

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ	3
CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	4
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	8
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	10
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	10
CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	12
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	12
CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	13
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	13
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	13
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	14
CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	15
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	15
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	15
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	15
CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	16
Điều 22. Hiệu lực thi hành	16



ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Thành viên Ban kiểm soát” là Kiểm soát viên.
2. “Điều lệ” là Điều lệ Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.
3. “Tập đoàn” là Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP.
4. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.
5. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm.

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.



CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tập đoàn.
3. Trung thành với lợi ích của Tập đoàn và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Quyền và Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tập đoàn hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tập đoàn.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tập đoàn là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Tập đoàn, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tập đoàn;



- d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tập đoàn.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Tập đoàn không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tập đoàn và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tập đoàn.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Tập đoàn quy định.

Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc



thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn và các bên có liên quan của Tập đoàn;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn;
- g) Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.





CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tập đoàn, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Báo cáo kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát phải lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; thời gian kiểm tra; thành viên Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra; các tài liệu đã kiểm tra; kết quả kiểm tra; đánh giá của Ban kiểm soát đối với vấn đề cần kiểm tra. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị,



yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tập đoàn.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tập đoàn để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn theo đề nghị của cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tập đoàn, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tập đoàn phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tập đoàn lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tập đoàn trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tập đoàn.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tập đoàn hoàn lại.





CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.



CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tập đoàn, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tập đoàn.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác



của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tập đoàn phải kê khai cho Tập đoàn về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tập đoàn trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tập đoàn.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.



CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tập đoàn, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tập đoàn, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.



CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Hồ Hồng Thạch





Ký số bởi: TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 04/06/2026 07:08:40+07:00
Xác thực bởi: VNPT-CA SHA2



Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
Địa chỉ: Tầng 10, mPlaza, 39 đường Lê Duẩn P. Sài Gòn, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (0274) 3822655. E-mail: quanhecodong@becamex.com.vn
Website: www.becamex.com.vn

PHIẾU/THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông:

Mã số cổ đông:

Số đăng ký sở hữu:

Số cổ phần sở hữu:

Tổng số phiếu biểu quyết:

Quý cổ đông vui lòng quét mã QR sau để xem nội dung tài liệu Đại hội cổ đông thường niên 2026:



Lưu ý: Quý cổ đông vui lòng gửi lại phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức sau khi kết thúc đại hội để phục vụ lưu trữ.



BM-05-04-26060001

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	+ Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025; Báo cáo của HĐQT và từng TV HĐQT độc lập; Báo cáo của BKS.			
2	+ Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT: Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026.			
3	+ Tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.			
4	+ Tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT: Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025.			
5	+ Tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2025.			
6	+ Tờ trình số 06/2026/TTr-HĐQT Chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký năm 2026			
7	+ Tờ trình số 07/2026/TTr-HĐQT Về việc sửa đổi, cập nhật ngành nghề kinh doanh			
8	+ Tờ trình số 08/2026/TTr-HĐQT Thông qua sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.			
9	+ Tờ trình số 01/2026/TTr-BKS Thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập năm 2026.			

Ghi chú:

- Quý cổ đông vui lòng đánh dấu “✓” hoặc “X” vào ô thích hợp.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026

Cổ đông/người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)





**TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP BECAMEX- CTCP**



Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX -
CTCP**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn Luật;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn Luật;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP hiện hành;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/BB-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2026.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP**

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT ngày 25/06/2026 về việc thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động 2025; định hướng và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 và từng thành viên HĐQT độc lập, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 bao gồm BCTC tổng hợp và hợp nhất với tỷ lệ tán thành là ...%. (Các báo cáo được đính kèm tài liệu).



Điều 2. Thông qua Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT ngày 25/06/2026 về báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026, tỷ lệ tán thành là ...% với nội dung chính như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2025.

a. Kết quả kinh doanh công ty mẹ:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (Tỷ đồng)	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%) (TH/KH)
1	Tổng doanh thu	7.786	7.495	96%
2	Tổng chi phí	5.751	5.127	89%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.035	2.368	116%
4	Lợi nhuận sau thuế	1.845	2.083	113%

b. Kết quả kinh doanh hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (Tỷ đồng)	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%) (TH/KH)
1	Tổng doanh thu	9.500	9.819	103%
2	Tổng chi phí	6.800	6.076	89%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.700	3.743	139%
4	Lợi nhuận sau thuế	2.470	3.525	143%

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026.

a. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ với các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%) (KH/TH)
1	Tổng doanh thu	7.495	8.250	110%
2	Tổng chi phí	5.127	5.600	109%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.368	2.650	112%
4	Lợi nhuận sau thuế	2.083	2.290	110%

b. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất với các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%) (KH/TH)
1	Tổng doanh thu	9.819	10.230	104%



2	Tổng chi phí	6.076	6.100	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.743	4.130	110%
4	Lợi nhuận sau thuế	3.525	3.883	110%

Điều 3. Thông qua Tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT ngày 25/06/2026 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026, tỷ lệ tán thành là ...% với nội dung chi tiết như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đvt: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN 2025
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.845.000.000.000	2.082.746.904.016
2	<i>Trích quỹ đầu tư phát triển (30%LNST)</i>	<i>553.500.000.000</i>	<i>624.824.071.205</i>
3	<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>136.146.000.000</i>	<i>117.087.269.000</i>
4	<i>Trích thưởng HĐQT, BKS và BDH</i>	<i>2.211.650.000</i>	<i>2.631.423.000</i>
5	Lợi nhuận còn lại sau trích lập quỹ	1.153.142.350.000	1.338.204.140.811
6	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	56.541.879.332	117.264.050.471
7	Vốn điều lệ	11.488.500.000.000	10.350.000.000.000
8	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	10%	14%
9	Cổ tức	1.148.850.000.000	1.449.000.000.000
10	LN còn lại chuyển sang năm sau	60.834.229.332	6.468.191.282

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

Đvt: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2025	KẾ HOẠCH 2026
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	2.082.746.904.016	2.290.000.000.000
2	<i>Trích quỹ đầu tư phát triển (30%LNST)</i>	<i>624.824.071.205</i>	<i>916.000.000.000 (40%LNST)</i>
3	<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>117.087.269.000</i>	<i>127.613.000.000</i>
4	<i>Trích thưởng HĐQT, BKS và BDH</i>	<i>2.631.423.000</i>	<i>3.444.000.000</i>
5	Lợi nhuận còn lại sau trích lập quỹ	1.338.204.140.811	1.242.943.000.000



STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2025	KẾ HOẠCH 2026
6	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	117.264.050.471	6.468.191.282
7	Vốn điều lệ	10.350.000.000.000	11.799.000.000.000
8	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	14%	10%
9	Cổ tức	1.449.000.000.000	1.179.900.000.000
10	LN còn lại chuyển sang năm sau	6.468.191.282	69.511.191.282

Điều 4. Thông qua Tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT ngày 25/06/2026 về việc chi trả cổ tức năm 2025, tỷ lệ tán thành là ...% với nội dung chi tiết như sau:

1. Tỷ lệ chi trả: 14%
2. Thời gian chi trả: trong năm 2026
3. Hình thức chi trả: cổ phiếu/tiền mặt
 - Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 theo phương án chi tiết nêu tại mục IV của Tờ trình.
 - Trường hợp Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 không thực hiện được, Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành thủ tục chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền.

4. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP
Mã chứng khoán:	BCM
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/ cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	1.035.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	144.900.000 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá:	1.449.000.000.000 đồng
Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành:	1.179.900.000 cổ phiếu



Tổng giá trị cổ phiếu sau khi phát hành dự kiến tính theo mệnh giá	11.799.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:	1.449.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành:	11.799.000.000.000 đồng
Hình thức phát hành:	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025
Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):	14% tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành
Tỷ lệ thực hiện quyền:	100:14. Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 100 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận 14 cổ phiếu mới
Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu
Thời gian dự kiến phát hành:	Dự kiến trong năm 2026. ĐHĐCĐ ủy quyền/giao quyền cho HĐQT quyết định thời điểm thích hợp để thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
Nguồn vốn phát hành:	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tính đến ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán
Chuyển nhượng quyền:	Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng
Hạn chế chuyển nhượng:	Cổ phiếu phát hành trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng
Phương án làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ:	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh dưới



	<p>01 (một) đơn vị sẽ được hủy bỏ, không được phát hành.</p> <p><i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 185 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:14, cổ đông A được nhận $(185/100)*14 = 25,9$ cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 25 cổ phiếu mới. Số phần thập phân là 0,9 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ</i></p>
<p>Mục đích:</p>	<p>Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức</p>
<p>Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả vấn đề liên quan đến đợt phát hành, bao gồm nhưng không giới hạn việc:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn đơn vị tư vấn; - Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai phương án phát hành, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu của Tập đoàn được thực hiện và hoàn tất theo đúng quy định. Đồng thời, quyết định điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. - Quyết định thời điểm thích hợp để thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025. - Quyết định phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật (nếu có). - Sửa đổi các quy định liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. - Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi Vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo kết quả thực tế của đợt phát hành



	<p>theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các thủ tục, công việc và quyết định thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Theo đó, toàn bộ số cổ phiếu mới phát hành sẽ được đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung theo các quy định pháp luật hiện hành. - Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được thành công. - Quyết định tất cả các vấn đề, thực hiện tất cả thủ tục và các công việc cần thiết khác để triển khai thành công phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025. - Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Người đại diện theo pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.
--	--

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT ngày 25/06/2026 về việc báo cáo kết quả thực hiện phát hành trái phiếu riêng lẻ trong năm 2025 với tỷ lệ tán thành là ...% với nội dung chính như sau:

Hội đồng quản trị Tập đoàn đã tổ chức triển khai phương án phát hành phù hợp với quy định của Điều lệ Tập đoàn và các quy định pháp luật liên quan với kết quả thực hiện tính đến ngày 31/12/2025 như sau:



STT	NQ HĐQT	Kế hoạch (tỷ đồng)	Kết quả thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành
1	Số 44/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025	2.500	2.500	100%
2	Số 69/NQ-HĐQT ngày 15/10/2025	2.000	2.000	100%

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 44/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025 về việc phê duyệt phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ các đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ năm 2025 với tổng mệnh giá tối đa là 2.500 tỷ đồng. Trái phiếu đã được phát hành thành công đến ngày 29/08/2025 là 2.500 tỷ đồng.

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 69/NQ-HĐQT ngày 15/10/2025 về việc phê duyệt phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ các đợt chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ lần 2 năm 2025 với tổng mệnh giá tối đa là 2.000 tỷ đồng. Trái phiếu đã được phát hành thành công đến ngày 18/12/2025 là 2.000 tỷ đồng.

Các nội dung liên quan khác được công bố chi tiết tại thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2025.

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 06/2026/TTr-HĐQT ngày 25/06/2026 về việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký năm 2026 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ...% với nội dung chính như sau:

1. Trong năm 2025: Thù lao chi trả cho các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách với số tiền là: 530.000.000 đồng.

2. Kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký năm 2026 với số tiền là: 832.200.000 đồng.

Điều 7. Thông qua Tờ trình số 07/2026/TTr-HĐQT ngày 25/06/2026 về việc sửa đổi, cập nhật ngành nghề kinh doanh với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ...% với nội dung chính như sau:



Nội dung trước khi thay đổi	Nội dung sau khi thay đổi	Ghi chú
<p>3. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - 6820</p> <p><i>(trừ dịch vụ đấu giá tài sản).</i></p> <p>Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản.</p>	<p>Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản-6821</p> <p><i>(trừ dịch vụ đấu giá tài sản).</i></p> <p>Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản.</p> <p>Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng - 6829</p>	<p>Quyết định 36/2025/QĐ-TTg không còn quy định về mã ngành 6820</p>
<p>5. Sản xuất điện - 3511</p> <p><i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i></p> <p>Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo.</p>	<p>5. Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo - 3512</p> <p><i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i></p> <p>Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo.</p>	<p>Quyết định 36/2025/QĐ-TTg chia hai mã ngành khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo - 3511 - Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo - 3512
<p>6. Truyền tải và phân phối điện- 3512</p> <p><i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i></p>	<p>6. Truyền tải và phân phối điện – 3513</p> <p><i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i></p> <p>Chi tiết:</p>	<p>Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg</p> <p>Thay đổi mã ngành</p>



Nội dung trước khi thay đổi	Nội dung sau khi thay đổi	Ghi chú
<p>Chi tiết:</p> <p>Truyền tải và phân phối điện, điện năng và điện năng lượng mặt trời đến cấp điện áp 110 kV.</p> <p>Đầu tư phát triển lưới điện, phân phối bán lẻ điện, quản lý vận hành và sửa chữa lưới điện đến cấp điện áp 110 kV.</p> <p>Kinh doanh mua, bán năng lượng điện mặt trời áp mái, trên mặt đất và nổi trên mặt nước đến cấp điện áp 110 kV.</p>	<p>Truyền tải và phân phối điện, điện năng và điện năng lượng mặt trời đến cấp điện áp 110 kV.</p> <p>Đầu tư phát triển lưới điện, phân phối bán lẻ điện, quản lý vận hành và sửa chữa lưới điện đến cấp điện áp 110 kV.</p> <p>Kinh doanh mua, bán năng lượng điện mặt trời áp mái, trên mặt đất và nổi trên mặt nước đến cấp điện áp 110 kV.</p>	
<p>19. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng- 4663</p> <p><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i></p> <p>Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng.</p>	<p>19. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng- 4673</p> <p><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i></p> <p>Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng.</p>	<p>Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg</p> <p>Thay đổi mã ngành</p>



Nội dung trước khi thay đổi	Nội dung sau khi thay đổi	Ghi chú
<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan-7110</p> <p>....</p>	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan-7110</p> <p>.....</p> <p>Tư vấn và lập quy hoạch đô thị (quy hoạch chung, phân khu, chi tiết 1/500), lập quy hoạch nông thôn, lập quy hoạch xây dựng vùng.</p>	<p>Bổ sung thêm chi tiết vào mã ngành 7110</p>
<p>25. Sản xuất linh kiện điện tử- 2610</p> <p>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp hàng điện tử.</p>	<p>25. Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời và bộ biến tần quang điện - 2611</p> <p>25a. Sản xuất linh kiện điện tử khác – 2619</p> <p>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp hàng điện tử.</p>	<p>Quyết định 36/2025/QĐ-TTg không còn quy định về mã ngành 2610</p>
<p>31. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu- 4669</p> <p><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i></p>	<p>31. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu- 4679</p> <p><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i></p>	<p>Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg Thay đổi mã ngành</p>



Nội dung trước khi thay đổi	Nội dung sau khi thay đổi	Ghi chú
Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng	Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng	
37. Dịch vụ hỗ trợ giáo dục - 8560 Chi tiết: Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.	37. Hoạt động dịch vụ trung gian cho các khóa học và gia sư - 8561 37a. Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác – 8569 Chi tiết: Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.	Quyết định 36/2025/QĐ-TTg không còn quy định về mã ngành 8560
46. Sửa chữa máy móc, thiết bị- 3312 Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị chuyên ngành đường sắt đô thị.	46. Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị- 3312 Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị chuyên ngành đường sắt đô thị.	Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
(Tập đoàn không thực hiện các hoạt động kinh doanh thuộc danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại mục A Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021)	(Tập đoàn không thực hiện các hoạt động kinh doanh thuộc danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại mục A Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của <u>Luật Đầu tư</u> và các văn bản sửa đổi,	



Nội dung trước khi thay đổi	Nội dung sau khi thay đổi	Ghi chú
	bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm)	

Thông qua sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ tương ứng với ngành, nghề kinh doanh sau khi thay đổi nêu trên.

Giao cho Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn có trách nhiệm thực hiện thủ tục cần thiết để thông báo thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Tập đoàn theo quy định hiện hành.

Trong phạm vi ngành nghề đã được ĐHĐCĐ thông qua và các quy định pháp luật hiện hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tập đoàn có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh chi tiết theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8. Thông qua Tờ trình số 08/2026/TTr-HĐQT ngày 25/06/2026 về việc sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... % với nội dung chính như sau :

1. Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

2. Ủy quyền cho HĐQT/Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung và ký ban hành bản Điều lệ và các Quy chế của Tập đoàn, Trưởng Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua theo đúng quy định. *(toàn văn điều lệ, quy chế đính kèm tài liệu Đại hội.)*

Điều 9. Thông qua Tờ trình số 01/2026/TTr-BKS ngày 25/06/2026 về danh sách công ty kiểm toán độc lập năm 2026 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... % với nội dung chính như sau :

Danh sách các công ty kiểm toán độc lập sẽ được lựa chọn để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm và phê duyệt danh sách công ty kiểm toán hoạt động (nếu cần) của Tập đoàn trong năm 2026 và giao quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;



2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
3. Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
4. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
5. Công ty TNHH PwC Việt Nam;
6. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Điều 10. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật, Điều lệ và Quy chế Tập đoàn.

Điều 11. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK TPHCM
- HĐQT, BKS
- Cổ đông BCM
- Lưu VP. HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

NGUYỄN VĂN HÙNG

